



Nguyễn - Ngọc Thanh
1940

Trương Thị Dung
1964

Phạm Thị Tuyết
1947

Nguyễn Ngọc Thu Văn
1969

Nguyễn Ngọc Hoàn
1972

Nguyễn Thụy Đình Hà
1977

Nguyễn Ngọc Thanh
1940

Trương Thị Dung
1964

Phạm Thị Tuyết
1947

Nguyễn Ngọc Thu Văn
1969

Nguyễn Ngọc Hoàn
1972

Nguyễn Thụy Đình Hà
1977



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NG NGOC THANH
Last Middle First

Current Address: 9575 Thích Quảng Đức Thị trấn Xuân lộc - Đồng Nai

Date of Birth: 02/22/40 Place of Birth: Quảng Ngãi

Previous Occupation (before 1975) 2ND Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 21 08/02/77 → 11/30/86.
To 06/11/74 To 06/25/77
Years: 3 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Marie Mai Han Nguyen
Name
Port Arthur, TX.
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Xuân lộc Ngày 30.9.1989

Trần Hsư
X. 21/2/89

Kính gửi Bà Khúc-minh-Thở

P.O. Box 5435. Arlington VA 22205-0635.

Kính thưa Bà: Cô đã nhận được thư Bà
ngày 30.4.1989. Cả gia đình tôi xin thank
thật cảm ơn sự quan tâm quý trọng của Bà
và quý Hồ. Sau đó tôi đã gửi đầy đủ hồ sơ
đến Bà vào tháng 7/89 vừa qua, chắc hôm nay
Bà đã nhận được.

Thưa Bà: Theo tin tức bên này nhận được
thì 2 Churchill Việt Nam và Hoa Kỳ đã thoả
thuận cho những người cựu tù học tập cải tạo
được đến định cư tại Hoa Kỳ - mà đợt đầu sẽ
đi 3000 người vào cuối năm này. Do vậy bên
nhà ông em chúng tôi rất lo lắng không biết
như thế nào. Riêng tôi đã nạp Hồ sơ xin
định cư tại Mỹ ở bên nhà. Phần Hồ sơ đã
hoàn tất, nhưng vì thiếu giấy hứa nhập cảnh
(Lois) Nên Hồ sơ không được ưu tiên xử lý
và tôi cũng xin trình bày với Bà một việc
như sau: Nguyên trước 75, Tôi là Chiêu - úy
của QLVNCH - Tôi bị bắt làm tù binh ngày 11.6.74

Trong cuộc hành quân giải tỏa Quốc lộ 1
đến ngày 25.6.1977 thì được thả -

Đến ngày 2.8.1977 thì tôi bị bắt vì tham
gia vào Tổ chức chống lại chính quyền Cần Mạng
và bị xử phạt 15 năm tù -

Đến ngày 30.11.1986 mới được thả -
nhớ vậy 2 lần cải tạo là 12 năm 5 tháng -
nhưng khi nạp hồ sơ thì bên nhà chỉ cho nạp
giấy cải tạo từ 11.6.74 đến 25.6.77 nhớ
vậy chỉ có 3 năm cải tạo - còn giấy cải tạo
từ 2.8.77 đến 30.11.86 (9 năm 3 tháng 28 ngày)
thì không được tính -

Mà điều kiện tôi thiếu phải cải tạo từ 5 năm
trở lên - Do vậy tôi không biết hoàn cảnh
của tôi có được xét không?

Nay tôi viết thư này đến Bà, xin Bà
vui lòng can thiệp giúp đỡ cho hoàn cảnh
của tôi - Nếu được xin Bà xin cấp cho
tôi tờ giấy hứa nhập cảnh (Lois) để tôi
bỏ tù ở 5 bên nhà - Vì bây giờ tôi
rất lo lắng không biết có được đi định
cư hay không?

Nếu không được xét thì thật là
bất hạnh quá.

Vậy tôi viết thư này đến Bà xin
Bà vui lòng giúp đỡ cho tôi - Tôi xin thành
kính cảm tạ Bà -

Xin Bà vui lòng cho tôi biết tin tức
và rất mong đợi tin thư của Bà.

Kính chúc Bà quý quý cũng Quý
Hội được Bình an và may mắn.

Kính chào Bà.

Thạch

Nguyễn Ngọc Thạch
95/5 Thích Quảng Đức, Xuân Lộc
- Đồng Nai -

Xuân Lộc Ngày 15.6.1989

Kính gửi = Bà KHUÊ-MINH-THO

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA. 22205-0635.

Kính thưa Bà: Gia đình chúng tôi rất vui mừng khi nhận được thư của Bà gửi cho chúng tôi ngày 30-4-1989. Gia đình chúng tôi rất cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Bà và quý vị trong Hội, sự quan tâm đó đã làm cho gia đình tôi rất cảm động và luôn tin tưởng dự kết quả tốt đẹp và gửi vững niềm tin ở Ngày mai.

Chưa Bà! Về phần tôi bên này đã nộp Đón và Hồ Sơ xin xuất cảnh định cư tại Hoa Kỳ theo diện Học tập Cải tạo được tha cho cơ quan của Việt Nam rồi, Tuy tôi có một trở ngại là cơ quan này chỉ nhận có 1 quyết định phóng thích của tôi (Thời gian chỉ có 3 năm, 14 ngày cải tạo lần thứ 1) Còn lần Cải tạo thứ 2 từ 02-8-1977 đến 20-11-1986 là 9 năm 3 tháng 28 ngày thì họ cho là phản động, nên không tính vào thời gian. CT. Như vậy 2 lần Cải tạo của tôi là: 12 năm 4 tháng 12 ngày.

Kính thưa Bà: Hôm nay tôi xin gửi đến Bà

Tất cả giấy tờ cần thiết đến Bà, kính xin
Bà vui lòng quan tâm giúp đỡ cho gia đình chúng
tôi, vì thực sự mà nói chắc Bà cũng rõ chúng tôi
rất khó khăn về tình thần của cuộc sống trên quê
hương. Để hoàn tất hồ sơ bên này, kính xin Bà
vui lòng can thiệp với Cơ quan ODP ở Bangkok
cấp cho gia đình tôi tờ Loi's để bỏ tục vào
hồ sơ bên nhà - là sẽ được V.N cấp giấy xuất cảnh.

Khi có kết quả xin Bà vui lòng gửi về cho
chúng tôi, chúng tôi xin thành thật Cảm tạ
Đo Bà.

Kính chào Bà, quý quyền cũng quý vì trong
hội được Vạn sự An lành và May mắn.

Kính thư.

Thanh

Nguyễn Ngọc Thanh.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: 12-06-1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhom Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN-NGỌC THANH Sex: Nam
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 22-02-1940 Quảng Ngãi
4. Residence Address,
Địa-chỉ thường-trú : 95/5 Thích Quảng Đức, Thị Trấn Xuân lộc
Tỉnh Đồng Nai
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 95/5 Thích Quảng Đức, Xuân lộc, Đồng Nai.
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Làm nông

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia đình
1. PHAM - THỊ - TUYẾT	1947	Thái Bình	Nữ	(M)	Vợ
2. NGUYỄN NGỌC THU-YÂN	1969	Phước Long	Nữ	(S) Độc Thân	Con gái
3. NGUYỄN NGỌC HOÀN	1972	_____	Nam	(S)	Con trai
4. NGUYỄN THUY ĐÔNG HÀ	1977	Xuân lộc	Nữ	(S)	Con gái
5. TRƯƠNG THỊ DUNG	1964	Phước Long	Nữ	(S)	Con nuôi
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : Marie MAI HÂN NGUYỄN

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Em Bà con

c. Address
Địa-chỉ : _____ Port _____

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : 31. 08 - 1980

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGUYỄN NAI (chết)

2. Mother
Mẹ : PHAN THỊ SƯỞI (chết)

3. Spouse
Vợ/Chồng : VỢ PHẠM - THỊ - TUYẾT (sống)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có): _____

5. Children
Con cái:

(1)	NGUYỄN - NGỌC THU VÂN	(sống)
(2)	NGUYỄN - NGỌC HOÀN	(sống)
(3)	NGUYỄN THUY ĐÔNG HÃ	(sống)
(4)	TRƯỜNG THỊ DUNG	(sống)
(5)	NGUYỄN NGỌC MINH	(chết năm 1975)
(6)		
(7)		
(8)		
(9)		

6. Siblings
Anh chị em:

(1)	NGUYỄN - VĂN CÔNG	(sống)
(2)	NGUYỄN THỊ THANH KÊ	(sống)
(3)	NGUYỄN CHỊ NGỌC	(sống)
(4)		
(5)		
(6)		
(7)		
(8)		
(9)		

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN - NGỌC - THANH
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 10. 3 - 1961 Đến 11. 06. 1974
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Thiếu - úy Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: Số quân 40/118.043
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chúng : Tiểu khu Long Khánh
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Trung tá Lê Ánh Nguyệt Tiểu khu Trưởng
Long Khánh

6. Reason for Separation : Ngày 11.6.1974, cùng đơn vị hành quân, bị VC phục kích, đánh, bắt làm tù binh.
lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ tại Viet-Nam : Học khoa I/20 Sĩ quan Trữ Bị
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes _____ No _____.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đứng sự có không? Có _____ Không ☒.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN-NGỌC-THANH
2. Time in Reeducation: From: 11.06.1974 To: 25.06.1977 (Lần thứ 1)
Thời gian học-tập Từ: 02.08.1977 Đến: 30.11.1986 (Lần thứ 2)
3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có _____ Không ☒ Tổng cộng = 12 năm 4 tháng 12 ngày

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Kính xin cứu xét, giúp đỡ cho gia đình tôi được sớm đi định cư, vì không thể sinh sống tại quê hương được.

Signature

Ký tên :

Thanh

Date

Ngày :

12.6.1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 2 Bưu đơn Chứng thư hành chánh
- 2 Bưu đơn Chạy Ra Trại
- 2 Bưu Quyết định Phóng thích
- 2 Bưu Chứng thư Hôn thú
- 8 Bưu Khai sinh
- 2 Bưu đơn Hồ khẩu
- 10 Bưu đơn Chứng minh Nhân dân
- 01 Bưu đơn Chạy Chiết thiếu
- 01 Bưu đơn Chạy cam kết Bỏ lẩn
- 12 tấm hình 4x6.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: 12-06-1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjablum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN-NGOC-THANH Sex: Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 22-02-1940, Quảng Ngãi
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 95/5 Thích Quang Đức, Thị trấn Xuân lộc
Tỉnh Đồng-Nai
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 95/5 Thích Quang Đức, Xuân lộc, Đồng Nai.
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Làm nông

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. NGUYỄN-NGOC-THUY-YẾN	1969	Phước Long	Nữ	Độc thân (S)	Con gái
2. NGUYỄN-NGOC-HOÀN	1972	-//-	Nam	-//- (S)	Con trai
3. NGUYỄN-THUY-ĐÔNG-HÀ	1977	Xuân lộc	Nữ	-//- (S)	Con gái
4. TRƯỜNG-THỊ-DUNG	1964	Phước Long	Nữ	-nt- (S)	Cm nuôi
5. PHẠM-THỊ-TUYẾT	1947	Thái Bình	Nữ	(M)	Vợ
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, tên : Marie MAIHAN NGUYEN

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Em Bà con.

c. Address
Địa-chỉ : Port
ARTHUR, TX.

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : 31. 08. 1980

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên :

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình :

c. Address
Địa-chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGUYEN - NAI (c)

2. Mother
Mẹ : PHAN - THI - SUOI (c)

3. Spouse
Vợ/Chồng : VỢ PHAM - THI - TUYET (s)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1) NGUYEN - NGOC THU - VAN (s)

(2) NGUYEN - NGOC HOAN (s)

(3) NGUYEN - THUY DONG HA (s)

(4) TRUONG THI DUNG (s)

(5) NGUYEN NGOC - MINH (chết năm 1975)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1) NGUYEN - VAN CONG (s)

(2) NGUYEN THI THANH KE (s)

(3) NGUYEN CHI NGOC (s)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your
Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name

Tên họ nhân-viên : _____

Position title

Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment

From:

To:

Thời-gian làm-việc

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name

Tên họ nhân-viên : _____

Position title

Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment

From:

To:

Thời-gian làm việc

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation

Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name

Tên họ nhân-viên : _____

Position title

Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office

Số/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment

From:

To:

Thời gian làm việc

Từ

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vu với
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham-gia: NGUYỄN - NGOC - THANH

2. Dates:

From:

To:

Ngày, tháng, năm

Từ

10. 03 - 1961

Tới

11 - 06 - 1974

3. Last Rank

Cấp-bậc cuối-cùng

: Thiếu - úy

Serial Number:

Số thẻ nhân-viên: Số quân - 40/118 043

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chúng

: Bộ chỉ-huy Tiểu Khu Long Khanh

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy

: Trung Tá Lê Anh Nguyệt - Tiểu Khu

Trưởng LK

6. Reason for Separation : Ngày 11.6.1974, cũng đơn vị Hãn quân, bị
do nghỉ việc : VC phục kích đánh bắt làm tù binh
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam : Học khóa 1/70 Sĩ quan Tũ B
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Phần-thưởng hoặc giấy khen: Date received: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng sự có không? Có Không X.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: Đến:
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

II. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN-NGỌC-THANH
2. Time in Reeducation: From: 11-06-1974 To: 25-06-1977 (Lần thứ I)
Thời gian học-tập Từ: 02-08-1977 Đến: 30-11-1986 (Lần thứ 2)
3. Still in Reeducation?* Yes No Tổng cộng = 12 năm 11 tháng 12 ngày
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Kính xin cứu xét, giúp đỡ cho gia đình tôi được đi định cư, vì không thể bình ổn tại quê hương được.

Signature

Ký tên :

Thanh

Date

Ngày :

12. 06 1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 2 - Bản chứng thư Hãn quân -
- 2 - Bản Giấy Ra Trại
- 2 - Bản Quyết định Phóng thích -
- 2 - Bản chứng thư Hãn quân -
- 3 - Bản khai Sinh -
- 2 - Bản Báo Hồ khai -
- 12 tấm hình cỡ 4x6
- 10 Bản sao Công chứng minh Nhân dân.
- 1 Bản sao Giấy Chối Thiệu.
- 1 Bản sao Công chứng kết hôn.

Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 271086724

Họ tên Nguyễn Văn Thanh

Tên thường gọi

Nơi thường trú

Đường 7, P. 7, Q. 7



Lưu nhân

Lưu nhân 17/6/89



[Handwritten signature]
Phạm Tuấn

Dấu vết riêng hoặc dị hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
tại: *C. A. huyện Q. 1.*

Hết đến ngày *09/11/89* trả giấy CMND

Ngày *09/11/89*
(Giới thiệu hoặc người ký)

Ngôn ngữ

[Handwritten signature]

Cộng sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIẾN NHẬN

Số 271086724

Họ tên

Nguyễn Đức Thanh

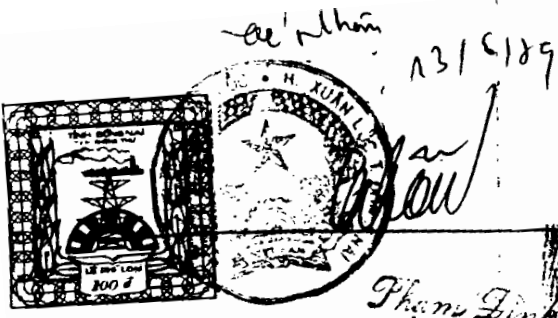
Tên thường gọi

Nơi thường trú

95/Chiel
Làng Húc 7 xã



Lai'nhon



Dấu vết riêng hoặc dị hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
tại: C. P. huyện

Hẹn đến ngày 09 / 10 / 1989 trả giấy CMND

Ngày 09 / 10 / 1989
(Ghi rõ họ tên người ký)

Nghĩa trở lại



Công an
ĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 27.1075126

Họ tên: Nguyễn Ngọc Hoàn

Tên thường gọi: B/5 Thích - Q.Đ.

Nơi thường ở: Khu Vườn M. T. Q.Đ.



Lưu nhân

13/6/89 Lao' nhân



Handwritten signature and the word 'ham'.

Dấu vết riêng hoặc dị hình	
Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân tại: <i>V-609</i>	
Hết đến ngày	<i>12/12/88</i> trả giấy CMND
Ngày	<i>26/7/88</i>
C.A.T.H. (Chức vụ hoặc tên người ký)	
<i>[Signature]</i>	

Nghân số trái

Công an *D/V*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số *27.1075196*

Họ tên *Nguyễn Ngọc Hoàn*

Tên thường gọi *Bố Thích ở Đu*

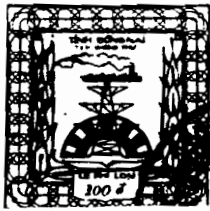
Nơi thường trú *Khu Trại An T 1 Q 6*



Lưu nhân

1316/89

Lưu' nhôn



Dấu vết riêng hoặc dị hình

Đã làm thủ tục xin cấp giấy/chứng minh nhân dân
tại:

Huyện đ. ngày 1/2/1988 trả giấy (K)

Ngày 26/7/1988
(Chữ rõ họ tên người ký)

Ngân hàng

Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đang nhận

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 2710785-9

Họ tên TRẦN THỊ DUNG

Tên thường gọi

Nơi thường trú Khu phố 1, An

Đường Lê Lợi, Quận 1, TP. HCM



Lưu nhân 12/6/89



Tham Dinh Chi

Dấu vết riêng hoặc dị hình: /

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân

tại: 2-đ-6

Hết đến ngày: / 7 / 19 89 trả giấy CMND

Ngày 22 / 7 / 19 88

(Ghi rõ họ tên người ký)

[Signature]

Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đang chờ

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 2710755-9

Họ tên *Trần Văn Thị Dung*

Tên thường gọi

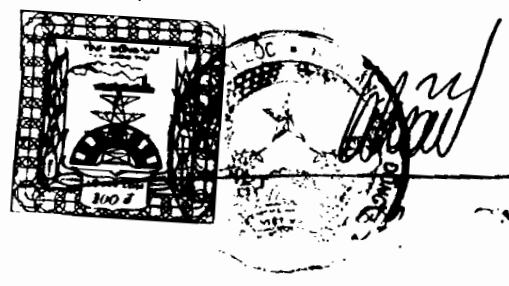
Nơi thường trú *Khu phố 1, An*

Số 2710755-9



Lai' nhâm

13/6/89 Lao nhân



Dấu vết riêng hoặc di hình /

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
tại: 2-6-65

Hẹn đến ngày / 7 / 19 89 trả giấy CMND

Ngày 22 / 7 / 19 88
(Ghi rõ họ tên người ký)

[Signature]

316189 Lau nhon



Phạm Đình Thiêm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

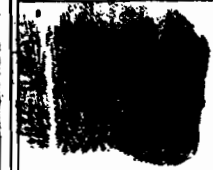
Số: 2205 630 88

Họ tên: PHẠM THỊ THỊ

Sinh: 15/05/1988

Quê quán: Xã Xuân Lập, Huyện Xuân Sơn, Tỉnh Phú Thọ



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: thiên chúa	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Nốt ruồi C. lẹm dưới trước mồm phải	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Năm Q. tháng 7 năm 1980 HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN Độc <i>Tùng Kiên</i>	

13/6/89 Lầu nhàn



Phạm Đình



Danh sách: Kinh		Tôn giáo: thiên chúa	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH			
Nét ruồi C. lẹm quai trước mạp phải			
NƠN TRƯNG TÀI		NƠN TRƯNG TÀI	
			
			
		Ngày 07 tháng 07 năm 1980 TAM THỦY ĐỐC TRƯNG TÀI CÔNG AN ĐOÀN AN - ĐỐC <i>Tam Thủ</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270.20155.0

Họ tên: NGUYỄN NGỌC THUL VÂN

Sinh ngày: 1969

Nguyên quán: Nghĩa Bình

Nơi thường trú: Khu Xuân An
Thị trấn Xuân Lộc, Đ. nai



12/6/89 Loe' nhon



Tham Linh Chua

Dân tộc: kinh Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chân 02cm dưới
trước dấu mắt phải

Ngày 8 tháng 5 năm 1964

Lưu/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Bravv
Bản Đồ

NGON TRÚ TRAI

NGON TRÚ PHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270.700.000.000

Họ tên: NGUYỄN NGỌC PHU VA

Sinh ngày: 1/6/1969

Nguyên quán: Nghĩa Bình

Nơi thường trú: Khu vực an
thị trấn huyện lỵ Đ. nai

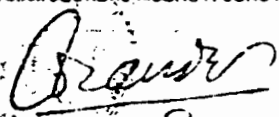


Lưu nhân

13/6/89



Phạm Văn Chiem

Dân tộc: kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		sẹo chân 02cm dưới trước đầu mắt phải	
NGƯỜI TRÁI		Ngày 8 tháng 5 năm 1964	
NGƯỜI PHẢI		THỦ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN	
			
		Trần D.	

THAY ĐỔI HỒ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Ký tên đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên đóng dấu

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

NHỮNG ĐIỀU KHÁC

MÀU SỐ NK 4

GIẤY CHỨNG NHẬN

BĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

số: X0791

Họ và tên chủ hộ: PHAM-THỊ-TUYẾT

Số nhà: 95/5 Ngõ (hẻm) Thích-Quang-Đức

Đường phố: K6/3 Đôn CAND: Thị-Trần

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh:

Huyện Quan-Lạc

Tỉnh, thành phố:

Lai Vnh CM/UBND. TH. T. AN. X. H. T. C.

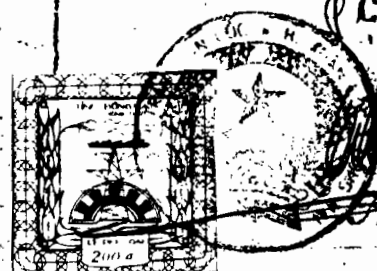
CHU TICH

Ngày 16 tháng 6 năm 1977

TL/Trưởng công an Huyện

Ký tên đóng dấu ghi rõ họ tên

Trưởng đơn Công an



Phạm Văn...

TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với CHỦ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm o và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu các cơ quan công an
01	PHẠM-THỊ-TUYẾT	1947	NỮ	Chủ hộ	Làm rẫy		31.12.76		
02	NGUYỄN-NGỌC THU-VÂN	1969	NỮ	con			31.12.76		
03	NGUYỄN-NGỌC-HOÀN	1972	Nam	con			31.12.76		
04	NGUYỄN-THUY ĐÔNG-HÀ	1977	NỮ	con			27.01.78		
5	Nguyễn Ngọc Thanh	1960	con	chồng	làm rẫy				
06	Nguyễn Thị Dung	1964	con	con			25.7.88		

THAY ĐỔI HỒ Ở CẢ HỘ	
Chuyển đến _____ Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên đóng dấu _____	Chuyển đến _____ Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên đóng dấu _____
Chuyển đến _____ Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên đóng dấu _____	Chuyển đến _____ Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên đóng dấu _____
NHUNG ĐI ĐỔI KHU	

Lưu

MẪU SỐ NK 4

GIẤY CHỨNG NHẬN

BĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

số: X0791

Họ và tên chủ hộ: PHẠM-THỊ-TUYẾT

Số nhà: 95/6 Ngõ (hẻm) Thích-Quảng-Dịch

Phường xã: Khuất-Lưu Quận: Thị-Trần

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: _____
Huyện: Châu-Lai

Lưu

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NGÀY 6 năm 1977

Đã đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ trên Huyện _____ ngày 06 tháng 08 năm 1977.

Handwritten signature

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

so: X079

Hoàng đế chế độ PHẠM THỊ TUYẾT

Số nhà: 95/5 Ngõ (hẻm) Trích-Quảng-Đức

Sông phò: K. 2. 1. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100. 101. 102. 103. 104. 105. 106. 107. 108. 109. 110. 111. 112. 113. 114. 115. 116. 117. 118. 119. 120. 121. 122. 123. 124. 125. 126. 127. 128. 129. 130. 131. 132. 133. 134. 135. 136. 137. 138. 139. 140. 141. 142. 143. 144. 145. 146. 147. 148. 149. 150. 151. 152. 153. 154. 155. 156. 157. 158. 159. 160. 161. 162. 163. 164. 165. 166. 167. 168. 169. 170. 171. 172. 173. 174. 175. 176. 177. 178. 179. 180. 181. 182. 183. 184. 185. 186. 187. 188. 189. 190. 191. 192. 193. 194. 195. 196. 197. 198. 199. 200. 201. 202. 203. 204. 205. 206. 207. 208. 209. 210. 211. 212. 213. 214. 215. 216. 217. 218. 219. 220. 221. 222. 223. 224. 225. 226. 227. 228. 229. 230. 231. 232. 233. 234. 235. 236. 237. 238. 239. 240. 241. 242. 243. 244. 245. 246. 247. 248. 249. 250. 251. 252. 253. 254. 255. 256. 257. 258. 259. 260. 261. 262. 263. 264. 265. 266. 267. 268. 269. 270. 271. 272. 273. 274. 275. 276. 277. 278. 279. 280. 281. 282. 283. 284. 285. 286. 287. 288. 289. 290. 291. 292. 293. 294. 295. 296. 297. 298. 299. 300. 301. 302. 303. 304. 305. 306. 307. 308. 309. 310. 311. 312. 313. 314. 315. 316. 317. 318. 319. 320. 321. 322. 323. 324. 325. 326. 327. 328. 329. 330. 331. 332. 333. 334. 335. 336. 337. 338. 339. 340. 341. 342. 343. 344. 345. 346. 347. 348. 349. 350. 351. 352. 353. 354. 355. 356. 357. 358. 359. 360. 361. 362. 363. 364. 365. 366. 367. 368. 369. 370. 371. 372. 373. 374. 375. 376. 377. 378. 379. 380. 381. 382. 383. 384. 385. 386. 387. 388. 389. 390. 391. 392. 393. 394. 395. 396. 397. 398. 399. 400. 401. 402. 403. 404. 405. 406. 407. 408. 409. 410. 411. 412. 413. 414. 415. 416. 417. 418. 419. 420. 421. 422. 423. 424. 425. 426. 427. 428. 429. 430. 431. 432. 433. 434. 435. 436. 437. 438. 439. 440. 441. 442. 443. 444. 445. 446. 447. 448. 449. 450. 451. 452. 453. 454. 455. 456. 457. 458. 459. 460. 461. 462. 463. 464. 465. 466. 467. 468. 469. 470. 471. 472. 473. 474. 475. 476. 477. 478. 479. 480. 481. 482. 483. 484. 485. 486. 487. 488. 489. 490. 491. 492. 493. 494. 495. 496. 497. 498. 499. 500. 501. 502. 503. 504. 505. 506. 507. 508. 509. 510. 511. 512. 513. 514. 515. 516. 517. 518. 519. 520. 521. 522. 523. 524. 525. 526. 527. 528. 529. 530. 531. 532. 533. 534. 535. 536. 537. 538. 539. 540. 541. 542. 543. 544. 545. 546. 547. 548. 549. 550. 551. 552. 553. 554. 555. 556. 557. 558. 559. 560. 561. 562. 563. 564. 565. 566. 567. 568. 569. 570. 571. 572. 573. 574. 575. 576. 577. 578. 579. 580. 581. 582. 583. 584. 585. 586. 587. 588. 589. 590. 591. 592. 593. 594. 595. 596. 597. 598. 599. 600. 601. 602. 603. 604. 605. 606. 607. 608. 609. 610. 611. 612. 613. 614. 615. 616. 617. 618. 619. 620. 621. 622. 623. 624. 625. 626. 627. 628. 629. 630. 631. 632. 633. 634. 635. 636. 637. 638. 639. 640. 641. 642. 643. 644. 645. 646. 647. 648. 649. 650. 651. 652. 653. 654. 655. 656. 657. 658. 659. 660. 661. 662. 663. 664. 665. 666. 667. 668. 669. 670. 671. 672. 673. 674. 675. 676. 677. 678. 679. 680. 681. 682. 683. 684. 685. 686. 687. 688. 689. 690. 691. 692. 693. 694. 695. 696. 697. 698. 699. 700. 701. 702. 703. 704. 705. 706. 707. 708. 709. 710. 711. 712. 713. 714. 715. 716. 717. 718. 719. 720. 721. 722. 723. 724. 725. 726. 727. 728. 729. 730. 731. 732. 733. 734. 735. 736. 737. 738. 739. 740. 741. 742. 743. 744. 745. 746. 747. 748. 749. 750. 751. 752. 753. 754. 755. 756. 757. 758. 759. 760. 761. 762. 763. 764. 765. 766. 767. 768. 769. 770. 771. 772. 773. 774. 775. 776. 777. 778. 779. 780. 781. 782. 783. 784. 785. 786. 787. 788. 789. 790. 791. 792. 793. 794. 795. 796. 797. 798. 799. 800. 801. 802. 803. 804. 805. 806. 807. 808. 809. 810. 811. 812. 813. 814. 815. 816. 817. 818. 819. 820. 821. 822. 823. 824. 825. 826. 827. 828. 829. 830. 831. 832. 833. 834. 835. 836. 837. 838. 839.

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh :

CHIEP 6 năm 1957

... on Hays

ALL INFORMATION CONTAINED HEREIN IS UNCLASSIFIED

11/11/11

Handwritten: Handwritten:

NHÂN KHẨU THƯỜNG

TRÚ TRONG HỘ

SỐ thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với CHỦ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày thông tin và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
01	PHẠM-THỊ-TUYẾT	1947	Nữ	Chủ hộ	Làm rẫy		31.12.76		
02	NGUYỄN-NGỌC THU-VÂN	1969	Nữ	con			31.12.76		
03	NGUYỄN-NGỌC-HOÀN	1972	Nam	con			31.12.76		
04	NGUYỄN-THUY ĐÔNG-HÀ	1977	Nữ	con			27.01.78		
5	Nguyễn Ngọc Thanh	1962	con	chồng	làm rẫy				
06	Trương Lân Dung	1964	con	con			31.7.8		

Ngày 25 tháng 06 năm 1977

5581/QU

QUYẾT ĐỊNH PHÒNG THÍCH

Ngày 25 tháng 06 năm 1977

THỦ TRƯỞNG ĐOÀN 875



Phính sách khoan hồng nhân đạo của Cách mạng.

Được sự chuẩn y của cấp trên.

Xét những tiến bộ trong quá trình học tập cải tạo của tù binh.

THỦ TRƯỞNG ĐOÀN 875 QUYẾT ĐỊNH

Phòng thích anh NGUYỄN-NGỌC-THANH

anh này là biểu-uy trong quân đội ngày Sài Gòn, bị bắt Đã anh này ngày 11 tháng 06 năm 1974

Anh được phép trả về gia đình với gia đình cha (mẹ, vợ) là: PHẠM THỊ-TUYẾT tại Trại gia đình cơ giới Tiểu khu Long Khánh

2/- Khi trở về quê quán, phải xuất trình ngay giấy này với chính quyền Cách mạng địa phương và tiếp tục chịu sự quản chế của địa phương. Sau đó, địa phương sẽ căn cứ vào những tiến bộ thực sự về mọi mặt để xét cho anh thả khỏi phạm quyền công an.

Thủ trưởng Đoàn 875

*Đã được cho
hướng dẫn làm xong giấy
ngày 25/6/77 này để đi lại
từ 26/6/77 đến 26/12/77
xuất an lý 26/6/77*

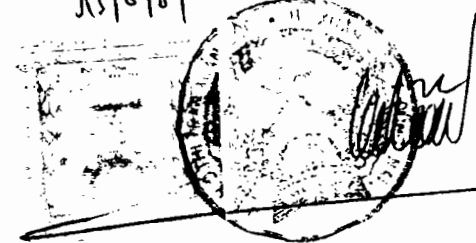
T.M. Đ.C.H.P.D.
phương D.C.H.P.D.

[Signature]

Nguyễn Văn...

[Signature]

*Lai nhân
11/6/89*



Phạm Đình Chiếu

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã số 001-01-01

Định mức lương

Ngày 21/10/1978

Định mức

Trại Tuân phước

Học tập - Lao động - Hình phạt

00377905101

SPSLD

GIẤY RA TRẠI

Thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1978 của Bộ Nội vụ,

Thẩm định án, quyết định trả số 90/ĐL ngày 12 tháng 09 năm 1976

Hội đồng xét xử Trung ương.

Nay cấp giấy ra trại, chỉ có văn sau đây:

Họ tên khai sinh **NGUYỄN NGỌC THANH**

Sinh năm 19 40

Tên gọi khác

Nơi sinh **Quảng Ngãi**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **95/5 Đ. Tự Yên Quảng Ngãi, Quận 15, Đồng Nai**

Cán bộ **Thư viện tổ chức PCM**

Bị bắt ngày **02-08-1971** Án phạt **15 năm**

Theo quyết định, án văn số **42** ngày **01** tháng **09** năm **1978** của

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

Đã bị tăng án **lần, cộng thành** năm tháng

Đã được giảm án **5 năm, cộng thành** năm 6 tháng

Nay về cư trú tại **95/5. Thích Quảng Đức, Quận 15, Đồng Nai**

Nhận xét quá trình cải tạo

- **Đã định được tội lỗi, chịu sự cải tạo, tạo động cơ cố gắng, đảm bảo ngày công, học tập tiến bộ, chấp hành nội quy ít sai phạm. Xếp loại cải tạo: Khá**
- **Đã nhận chính quyền địa phương tiếp tục tiếp xúc, giúp đỡ cho trong sự làm ăn sinh sống, tạo điều kiện cho công dân lương thiện.**

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Quận 15**

Trước ngày **10 tháng 12** năm **1976**

Lưu tay ngôn từ phải

Của **Nguyễn Ngọc Thanh**

Danh bản **04134**

Lập tại **Trại Tuân phước**

Họ tên chữ ký
người được cấp giấy

Thanh

Nguyễn Ngọc Thanh

Ngày 12 tháng 12 năm 1976

Chức vụ

[Signature]

AN NGUYỄN HỒI

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH HAY THỊ XÃ
PHƯỚC-LONG
QUẬN PHƯỚC-BÌNH
XÃ PHƯỚC-TÍN
Số hộ: 3 42

TRÍCH LỤC CHỨNG THƯ HÔN THỦ

Lập ngày 12 tháng 07 năm 1967

Tên, họ chồng:	NGUYỄN - NGỌO - THANH
Ngày và nơi sinh:	Sinh ngày 22-02-1940, Tại Quảng-Ngã
Tên họ cha chồng:	Nguyễn - Ngai (sống/chết)
Tên họ mẹ chồng:	Phan-Thị-Suối (sống/chết)
Tên họ vợ:	Phạm-Thị-Tuyết
Ngày và nơi sinh:	Sinh ngày 09-05-1947, Tại Cạn-Lai, Tỉnh-Bình.
Tên, họ cha vợ:	Phạm - Thi (sống/chết)
Tên họ mẹ vợ:	Nguyễn-Thị-Tạo (sống/chết)
Ngày lập hôn thú:	Lập ngày 12 - 07 - 1967
Có lập hôn khế không	/



TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH:
Lập ngày 12 tháng 07 năm 1967
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHƯỚC-BÌNH
HỌ TÊN: PHẠM - THI

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THỊ XÃ
PHƯỚC - LONG

QUẬN PHƯỚC-BÌNH

XÃ PHƯỚC - TÍN

Số 42

TRÍCH LỤC

CHỨNG THU HÔN THỦ

Lập ngày 12 tháng 07 năm 1967

Tên, họ chồng :	NGUYỄN - NGỌC - THANH
Ngày và nơi sanh :	Sinh ngày 22-02-1940, Tại Quảng-Ngãi
Tên họ cha chồng :	Nguyễn - Ngai (sống/đã)
Tên họ mẹ chồng :	Phan-Thị-Suối (sống/đã)
Tên họ vợ :	Phạm-Thị-Tuyết
Ngày và nơi sanh :	Sinh ngày 09-05-1947, Tại Cam-Lai, Tỉnh - Bình
Tên, họ cha vợ :	Phạm - Thi (sống/đã)
Tên họ mẹ vợ :	Nguyễn-Thị-Tạ (sống/đã)
Ngày lập hôn thú :	Lập ngày 12 - 07 - 1967
Có lập hôn chế không	/



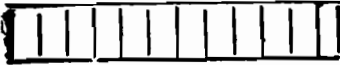
Phụ lục Y BẢN CHÍNH :
ngày 12 tháng 8 năm 1974
HỌ TÊN : NGUYỄN - NGỌC - THANH
HỌ TÊN : NGUYỄN - THỊ - TUYẾT

Xã, Thị trấn Xuân Lộc
Thị xã, Quận Xuân Lộc
Thành phố, Tỉnh Đồng Nai

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 28

Quyển số _____



Họ và Tên	<u>NGUYỄN THUY ĐÔNG HÀ</u>		Nam, nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày	<u>21 - 12 - 1977</u>		
tháng, năm	<u>hai mươi một, tháng mười hai năm 1977</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh Viện Xuân Lộc</u>		
Khai về	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>NGUYỄN NGỌC THANH</u> <u>37 tuổi (22-02-1940)</u>	<u>PHAM THỊ TUYẾT</u> <u>31 tuổi</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm rẫy</u>	<u>Làm rẫy</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Khu III Trại X. Lộc</u>	<u>Khu III Trại X. Lộc</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>PHAM THỊ TUYẾT</u> <u>31 tuổi</u> <u>Khu III Thị Trấn Xuân Lộc</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 12 năm 1977

TM/UBND Thị trấn Xuân Lộc Ký tên đóng dấu

Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Vũ Văn Hòe

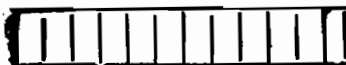
(Ký tên và đóng dấu)



Xã, Thị trấn Xuân Lộc
Thị xã, Quận Xuân Lộc
Thành phố, Tỉnh Đồng Nai

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số 28
Quyển số



Họ và Tên	NGUYỄN THUY ĐÔNG HÃ		Nam, nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày	<u>21 - 12 - 1977</u>		
tháng, năm	<u>ngày mười một, tháng mười hai năm 1977</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh Viện Xuân Lộc</u>		
Khai về ch	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN NGỌC THANH <u>37 tuổi (22-02-1940)</u>	PHAM THỊ TUYẾT <u>31 tuổi</u>	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Lâm rẫy	Lâm rẫy	
Nơi ĐKNK thường trú	Khu III T Trăn X Lộc	Khu III T Trăn X Lộc	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	PHAM THỊ - TUYẾT <u>31 tuổi</u> Khu III Thị Trăn Xuân Lộc		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 01 năm 1988

TM/UBND Thị Trăn Xuân Lộc ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 11 tháng 01 năm 1978

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Vũ Văn Hòat
(Ký tên và đóng dấu)



Đang Ngộ

KHAI SANH

Số hiệu : 178

Ấu-nhi : (Tên họ)	NGUYỄN-NGỌC-THÀNH
Phái :	Nam
Sinh ngày, tháng, năm	Hai mươi ba tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (23-03-1972)
Tại :	Nhà Báo-Sanh An-Phước, Phước-Long.
Cha : (Tên họ)	NGUYỄN-NGỌC-THÀNH
Tuổi :	32 tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	KBC:6102
Mẹ : (Tên họ)	PHẠM-THỊ-TUYẾT
Tuổi :	24 tuổi
Nghề-nghiệp :	Nội trợ
Cư-trú tại :	Xp Long-Trung, Xã Sơn-Giang, Phước-Long.
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Người khai :	NGUYỄN-NGỌC-THÀNH
Tuổi :	32 tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	KBC:6102
Ngày khai :	Ngày 03 tháng 04 năm 1972.
Người chứng thứ nhất : (Tên họ)	NGUYỄN-DƯƠNG
Tuổi :	36 tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	KBC:6102
Người chứng thứ hai : (Tên họ)	LÊ-VĂN-CHAU
Tuổi :	27 tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	KBC:6102

CHẤP X TRONG QU
Sơn-Giang ngày 1/1972
UY-VIÊN HỘ-TỔ

PHẠM-MIÊN

KIỂM-THỊ:

Sơn-Giang ngày 29 tháng 9 năm 1972

Lập tại

Sơn-Giang ngày 03 tháng 04/ 1972

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân-chứng,

Nguyễn-Ngọc-Thành
(Ký tên)

Phan-Dương
(Ấn ký)

Nguyễn-Dương (Ký tên)
Lê-văn-Chau
(Ký tên)



PHẠM-MIÊN

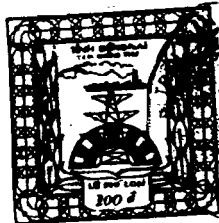
BIÊN BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 6 năm 1947

TR. UBND. TH

AL LGG

CÔNG CHỨNG VIỆC XA NƯỚC



mm

Nguyễn Hoàng Năm

KHAI SANH

Số hiệu : 178

Ấu-nhi : (Tên họ)	NGUYỄN-NGỌC-HOÀN
Phái :	Nam
Sinh ngày, tháng, năm	Hai mươi ba tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (23-03-1972)
Tại :	Nhà Bảo-Sanh An-Phước, Phước-Long.
Cha : (Tên họ)	NGUYỄN-NGỌC-THANH
Tuổi :	32 tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	KBC: 6102
Mẹ : (Tên họ)	PHẠM-TIỂU-TUYẾT
Tuổi :	24 tuổi
Nghề-nghiệp :	Hội trợ
Cư-trú tại :	Ấp Long-Thủy, Xã Sơn-Giang, Phước-Long
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Người khai :	NGUYỄN-NGỌC-THANH
Tuổi :	32 tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	KBC: 6102
Ngày khai :	Ngày 03 tháng 04 Năm 1972.
Người chứng thứ nhất : (Tên họ)	NGUYỄN-DƯƠNG
Tuổi :	36 tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	KBC: 6102
Người chứng thứ hai : (Tên họ)	LÊ-VĂN-CAU
Tuổi :	27 tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	KBC: 6102

CHẾP Y TRONG-BỘ

Sơn-Giang ngày 1/1/1972

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

PHẠM-DƯƠNG

Kiểm-THỊ :

Sơn-Giang ngày 29 tháng 9 năm 1972



Lập tại

Sơn-Giang

ngày 03 tháng 04/ 1972

Nguyễn-Ngọc-Thanh
(Ký tên)

Phạm-Dương
(Ấn ký)

Nguyễn-Dương (Ký
tên)
Lê-văn-Cầu
(Ký tên)

PHẠM-VIÊN

SAO Y BẮC CHÁNH

Ngày 13 tháng 6 năm 1989

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

QUẢNG LỘC

CỘNG HÒA VIỆT NAM



Am

Nguyễn Hoàng Tâm

KHAI SANH

Số hiệu : 772

Ấu-nhi : (Tên họ)	NGUYỄN-NGỌC-THU-VÂN
Phái :	Nữ
Sinh ngày, tháng, năm :	Mười bốn tháng chín, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (14-9-1969)
Tại :	Bão-Sanh Phước-Long.
Cha : (Tên họ)	NGUYỄN-NGỌC-THANH
Tuổi :	29 tuổi
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	ĐC: 6102
Mẹ : (Tên họ)	PHẠM-THỊ-TUYẾT
Tuổi :	22 tuổi
Nghề-nghiệp :	Nội trợ
Cư-trú tại :	Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long.
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Người khai :	PHẠM-TIỂU
Tuổi :	46 tuổi
Nghề-nghiệp :	Nông
Cư-trú tại :	Xã Sơn-Giang.
Ngày khai :	Mười tám tháng chín năm 1969.
Người chứng thứ nhất : (Tên họ)	NGUYỄN-ĐIỆP
Tuổi :	39 tuổi
Nghề-nghiệp :	Nông
Cư-trú tại :	Xã Sơn-Giang.
Người chứng thứ hai : (Tên họ)	TRẦN-THỊ-NGÂN
Tuổi :	24 tuổi
Nghề-nghiệp :	Công-chức
Cư-trú tại :	Xã Sơn-Giang.

CHẾP X TRONG BỘ
Sơn-giang ngày 19/1972
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

PHẠM-ĐƯƠNG

Lập tại Sơn-Giang ngày 23 tháng 9 năm 1969.

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân-chứng,

Phạm-Tiểu (ký tên) Phan-Đương Nguyễn-Điệp (ký tên)

(Ấn ký)

Trần-thị-Ngân

(Ký tên)

29 9

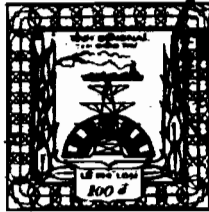
[Handwritten signature and stamp]

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 6 năm 1949

TRƯỞNG TỈNH TRẦN XUÂN LỘC

CỘNG HÒA VIỆT NAM



Nguyễn Hoàng Tâm

KHAI SANH

Số hiệu : 552

Âu-nhi : (Tên họ)	NGUYỄN-NGỌC-THU-VÂN
Phái :	Nữ
Sinh ngày, tháng, năm :	Mười bốn tháng chín, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (14-9-1969)
Tại :	Bão-Sanh Phước-Long.
Cha : (Tên họ)	NGUYỄN-NGỌC-THANH
Tuổi :	29 tuổi
Nghề-nghiệp :	Quản-lưu
Cư-trú tại :	KBC, 6102
Mẹ : (Tên họ)	PHẠM-THỊ-TUYẾT
Tuổi :	22 tuổi
Nghề-nghiệp :	Nội trợ
Cư-trú tại :	Xã Sơn-Giang, Phước-Bình, Phước-Long.
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Người khai :	PHẠM-THỊ
Tuổi :	46 tuổi
Nghề-nghiệp :	Nông
Cư-trú tại :	Xã Sơn-Giang.
Ngày khai :	Mười tám tháng chín năm 1969.
Người chứng thứ nhất : (Tên họ)	NGUYỄN-DIỆP
Tuổi :	39 tuổi
Nghề-nghiệp :	Nông
Cư-trú tại :	Xã Sơn-Giang.
Người chứng thứ hai : (Tên họ)	TRẦN-THỊ-NGÂN
Tuổi :	24 tuổi
Nghề-nghiệp :	Công-chức
Cư-trú tại :	Xã Sơn-Giang.

CHẤP I TRƯNG-BỘ
Sơn-giang ngày 19/1972
UY-VIÊN HỒ-TỊCH

PHẠM-HÀNG

Lập tại Sơn-Giang ngày 23 Tháng 9/ 1969.
Người khai, Hồ-lai, Nhân-chứng,
Phạm-Thị (Ký tên) Phan-Dương Nguyễn-Diệp (Ký tên)
(Ấn ký) Trần-thị-Ngân (Ký tên)

29 9 1969

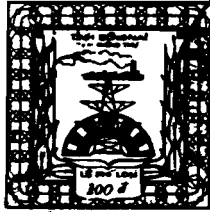
UY-VIÊN HỒ-TỊCH

SAC Y BẢN CHÁNH

Ngày 13 tháng 6 năm 1984

TH. UBND. THỊ TRẦN XUÂN LỘC

CÔNG CHỨNG VIỆN NHÀ NƯỚC



[Handwritten signature]

Thị Trần Xuân Lộc

Số hiệu: 13

KHAI SANH

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG
XÃ PHƯỚC QUẢ
NGUYỄN THẮNG

CHỨNG THẬT
Chữ ký của Hội đồng
Xã Phước Quả.
Phước Bình ngày 20-5-64.
A QUÂN TRƯỞNG
PHÓ QUÂN TRƯỞNG

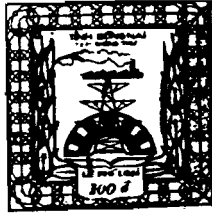
Tên, họ sau nhĩ:	Trương thị Thuag
Phái:	nữ
Sinh:	Mười sáu tháng năm, năm một ngàn chín
(Ngày, tháng, năm)	trăm sáu mươi bốn
Tại:	Xã Phước Quả Phước Bình Phước Long
Cha:	Trương Mưa
(Tên, họ)	
Tuổi:	24
Nghề-nghiep:	Quản nhân
Cư-trú tại:	A.B.C. 0.045
Mẹ:	Nguyễn thị Kim
(Tên, họ)	
Tuổi:	35
Nghề-nghiep:	Nội-tư
Cư-trú tại:	Xã Phước Quả Phước Bình Phước Long
Vợ:	Quản nhân
(Quản hay thuê)	
Người khai:	Nguyễn Văn Quốc
(Tên, họ)	
Tuổi:	47
Nghề-nghiep:	Quản nhân
Cư-trú tại:	A.B.C. 0.045
Ngày khai:	18 - 5 - 1964
Người chứng thứ nhất:	Phùng Sáng
(Tên, họ)	
Tuổi:	21
Nghề-nghiep:	Nông
Cư-trú tại:	Xã Phước Quả Phước Bình Phước Long
Người chứng thứ nhì:	Phùng Lăng
(Tên, họ)	
Tuổi:	21
Nghề-nghiep:	Nông
Cư-trú tại:	Xã Phước Quả Phước Bình Phước Long

Lập tại xã Phước Quả, ngày 18 tháng 5 - 1964
Người khai, (Xy-tên) Hộ-tại, Nguyễn-Thắng (An-ky) Nhân-chứng, (Ký-tên) (Ký-tên)

SAC TỈNH CHÁNH

Ngày 13 tháng 6 năm 1984

TH. U. BAN XUAN LOC
CO. NH. NHA NUOC



Nguyễn Hoàng Tâm

KHAI SANH

CHẾP Y TƯỢNG ĐỒ

Phongkum's name 20-5-64.



Nguyễn-Trần

ENDING THE

CHỦ NHÃN HỒI ĐÁP

Phước Điền ngày 20-1-64

9000-2000

PHÓ QUẢN TRỊ

5-17424-1

Tên, họ đầu nhì: Trương thị-Dung
Phái: Nữ
Sinh: Mười bốn tháng năm, năm một ngàn chín
(Ngày, tháng, năm) trăm sáu mươi bốn
Tại: Xã Phước-Qũu Phước-Bình Phước-Lạng
Cha: Trương-Mua
(Tên, họ)
Tuổi: 24
Nghề-nghiệp: Quân nhân
Cư-trú tại: K.B.C. 0.043
Mẹ: Nguyễn thị-Kim
(Tên, họ)
Tuổi: 39
Nghề-nghiệp: Nội-trợ
Cư-trú tại: Xã Phước-Qũu Phước-Bình Phước-Lạng
Vợ: Chánh
(Tên, họ)
Người khai: Nguyễn Văn-Giành
(Tên, họ)
Tuổi: 44
Nghề-nghiệp: Quân nhân
Cư-trú tại: K.B.C. 0.045
Ngày khai: 16 - 5 - 1964
Người chứng thứ nhất: Phùng Sáng
(Tên, họ)
Tuổi: 21
Nghề-nghiệp: Nông
Cư-trú tại: Xã Phước-Qũu Phước-Bình Phước-Lạng
Người chứng thứ nhì: Phùng-Lãng
(Tên, họ)
Tuổi: 21
Nghề-nghiệp: Nông
Cư-trú tại: Xã Phước-Qũu Phước-Bình Phước-Lạng

Tập tại xã Phú Cường, ngày 18 tháng 5 - 1954

Người khai:
(Ky-tôn)

Họ-tên,
Nguyễn-Thắng
(Ấn-ký)

Nhân-chữ 9.
(Kỵ-tên)
(Kỵ-tên)

SÁO Y BẢN CHÁNH

Ngày 13 tháng 6 năm 1984

T. Đ. Đ. TH. TR. XUÂN LỘC
CÔNG CHỨC TIỀN NHÀ NƯỚC



AM

Nguyễn Hoàng Tâm

CHỨNG THƯ HÀNH CHÁNH

ĐƠN-VI THIẾT LẬP
Tiền Đoàn 31/BP
KBC 6701

PHẦN I.- QUÂN-VU và HỘ-TỊCH (SQ/QTNV lập)

1.- HỌ TÊN NGUYỄN NGỌC THẠNH 2.- CẤP BẬC Thiếu tá/BPQ3 3.- SỐ QUÂN 40/118043
4.- THẺ CĂN-CƯỚC DÂN-SỰ Số Cấp tại Ngày
5.- CNQS 6.- Ngày sinh 10.03.1961 Nơi sinh Quảng Ngãi
7.- NHẬP NGŨ VÀO QLVNCH NGÀY 10.03.1961 Với tư cách ĐU
Tiền quân-vu 13.7.61 03 tháng 01 ngày Từ 10.03.1961 Đến 11.06.1974
8.- GIÁN ĐOẠN QUÂN-VU Từ Không Đến Lý do
- Từ Đến Lý do
9.- GIẢI NGŨ NGÀY 10.03.1961 Lý do
 Lý do

10.- LÝ DO LẬP CHỨNG THƯ HÀNH-CHÁNH

a) ☒ Nạp vào hồ-sơ trợ-cấp tử-tuất : ☐ Đường-sự bị phế-tật
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng phế-bình : ☒ Đường-sự bị mất tích
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng quả-phụ : ☐ Đường-sự tạ-thể
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng tồ-phụ : ☐ Ngày 11 tháng 06 năm 74 tại YT 754.986 thuộc
Xã Gia Ray, Huyện Lộc, Long Khánh
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng cô-nhi : ☐ Lý do Đã được giải tỏa phá-hủy của
V/C tại Gun 013. Trong lúc giao tranh với V/C
sau cho 80/85 Mất tích ☒ (Mất tích vì Trá
Họ tên và địa-chỉ: Vũ PHẠM THỊ TUYẾT
ngụ tại Long Thủy, Phước Long - Không qui-trách công-vụ ☐

b) Lý do khác :

Ông NGUYỄN HAI Sinh ngày (sống) (chết)
11.- HỌ TÊN CHA MẸ: Bà PHẠM THỊ SƯỜI Sinh ngày (sống) (chết)

12.- GIA CẢNH: ☐ Độc thân ☒ Có vợ ☐ Góa vợ Số con 03

13.- NGƯỜI HÔN PHỐI: Họ và Tên PHẠM THỊ TUYẾT Sinh ngày 09.05.1947
Nơi sinh Gam Lai, Thái Bình Nghề nghiệp Nội Trú
Địa chỉ Ấp Long Thủy, Phước Long

☒ Trích-lục hôn-thứ ☐ Chứng thư thế-vi hôn-thứ ☐ Ấn thế-vi hôn-thứ
Số hiệu 42 Đăng ký ngày 7.04.1968 Tại Phước Tín

14.- CHI TIẾT VỀ CÁC CON CÒN SỐNG (kể cả con thành niên)

HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRAI, GÁI	LOẠI-CON	VĂN-KIỆN-THAM-CHIẾU			
				Loại	Số	Ngày	Nơi đóng ký
NGUYỄN NGỌC MINH	28.03.68	C.Trái	C.Tr	AS	11	01.04.68	Sơn Giang
NGUYỄN NGỌC THỦY VĂN	14.09.68	C.Gái	C.Th	-nt-	552	18.09.69	-nt-
NGUYỄN NGỌC HOÀNG	3.03.71	C.Trái	-nt-	-nt-	178	03.4.72	-nt-

Mẫu 1-11-70

QB-855-B (Thay thế và hủy bỏ mẫu in QB-555 A kể từ ngày 1-9-68)

PHẦN II. — CHIẾT TÍNH LƯƠNG BỔNG và TRỢ CẤP (SQ Tài-Chánh lập)

15. — LƯƠNG THÁNG CUỐI CÙNG CỦA ĐƯƠNG SỰ : Cấp bậc Thiếu úy bậc lương 1
 Phụ cấp gia đình 01 Vợ với số con 03 Phụ cấp đất độ vùng Thấp
 (ngoại trừ phụ cấp chức-vụ, giao-tế phí và nguy hiểm) thành tiền là (viết số lập lại toàn bằng chữ) 3.100.00
BA MƯƠI MỘT TRĂM ĐỒNG BẠC CHẴN Chiết tính như sau :

— Lương căn bản	<u>4.000.00</u>	— Số phiếu kiểm soát lương	<u>1.211</u>
— Phụ cấp vợ	<u>5.000.00</u>	— Đương sự được trả lương hết tháng	<u>6</u>
— Phụ cấp con	<u>3.300.00</u>	năm	<u>1974</u>
— Phụ cấp đất độ			
— Phụ cấp gạo	<u>4.000.00</u>		
— Bồi khoản gạo			
CỘNG :	<u>3.100.00</u>		

LƯƠNG BẢN THÂN :

— Lương căn bản	<u>4.000.00</u>	— Phụ cấp vợ	<u>5.000.00</u>
(kể cả phụ khoản chuyên môn)		(GD + ĐĐ + TKTT)	
— Phụ cấp đất độ		— Phụ cấp con	<u>3.300.00</u>
— Phụ cấp gạo	<u>4.000.00</u>	(GD + ĐĐ + TKT)	
— Bồi khoản gạo			
CỘNG :	<u>6.400.00</u>	CỘNG :	<u>5.500.00</u>

16. — TRỢ CẤP TỬ TUẤT : (Toàn thê hay tức thời) Toàn thê bằng một hoặc hai hoặc mười hai 1 tháng
Bậc 1 lần số lương tháng cuối cùng chiết tính nơi Mục 15, thành tiền là 385.000.00
 (Viết số lập lại toàn bằng chữ) **BA TRĂM TÁM MƯƠI LĂM NGÀN HAI TRĂM ĐỒNG BẠC CHẴN**

đã được ứng trả trước ngày tháng năm 1974 cho người thừa kế hữu quyền là (tên họ)
Phạm Thị Tuyết (Vợ)

(Chiếu HT số 3761/QL/TCTT/HCI/A ngày 26-3-1965)

PHẦN III. — CHỨNG THỰC

17. — CHỨNG THỰC PHẦN I (của Trưởng Phòng TQT hay Nhân viên)

(Cấp bậc) Thượng Sĩ 1 (Họ tên) Đỗ Văn Thiệu
 (Chức vụ) Q. Sĩ Quản Quản Trị Nhân Viên

Ngày

Chữ ký

12/07
1974

(Ấy tên)

18. — CHỨNG THỰC PHẦN II (của Sĩ-Quân Tài-Chánh)

(Cấp bậc) Bại úy (Họ tên) Ngô Đình Thọ
 (Chức vụ) Sĩ Quân Tài Chánh

Ngày

Chữ ký

01/08
1974

(Ấy tên)

19. — CHỨNG THỰC CỦA ĐƠN-VỊ-TRƯỞNG TỰ-TRỊ HÀNH CHÁNH

KBC. 6144, ngày 01 tháng 08 năm 1974
 CẤP BẬC, HỌ TÊN và CHỨC VỤ

Thiếu Tá NGUYỄN VĂN TRUNG
Chỉ Huy Trưởng TT/TTTV/Long An

/ SỞ Y CHÁNH BẮN /

Chữ ký và ấn dấu

(Ấy tên và đóng dấu)

ABC.674 ngày 04 tháng 08 năm 1974
Thiếu Tá TRẦN HOÀI
Trưởng Đoàn Trượt Tiên Đoàn 34/NP.



PARTNERSHIP FOR HUMAN DEVELOPMENT

P.O. BOX 6610 BEAUMONT, TEXAS 77705 (409) 832-7994

REV. MSGR. KENNETH R. GREIG, President

Dow Wynn, Executive Director

August 22, 1988

The United States of America
Orderly Departure Office
American Embassy
Box 58
APO: San Francisco, CA 96346

Your Excellency,

We wish to send you enclosed herewith this affidavit of relationship
in favor of the following person:

Nguyen Ngoc Thanh (Cousin)

This refugee is reported to be the relative of Marie MaiHan Nguyen,
a U.S. citizen who resides at 3712 6th Street, Port Arthur, Texas
77642.

We request that this refugee be authorized to come to this area as
Marie MaiHan Nguyen is willing to sponsor him and to take the necessary
responsibilities when he arrives in the United States.

With my best wishes.

Sincerely,

C.P. Morgan
Deputy Executive Director
Partnership for Human Development

CPM:ktn
Enclosures:



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN NGOC THANH
Last Middle First

Current Address 25/5 Trich Giang Dist. Binh Hoa Dong Nai

Date of Birth 1940 Place of Birth Quang Ngai

Previous Occupation (before 1975) 2nd Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From Oct 02-1977 To Nov-30-1986

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC
P.O. BOX
ARLINGTON, VA 22205-0635
Name
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại Xuân phúc
Số 100 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2505 ngày 27 tháng 1 năm 1972

0 0 3 7 7 9 0 5 1 6 1

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 986-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thị trấn Đông Nai quyết định tha số 95/5 ngày 15 tháng 02 năm 1986

Nội Công an xã Trung ương

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ tên khai sinh NGUYỄN NGỌC THANH Sinh năm 19 40

thực tên gọi khác

Nơi sinh Quảng Ngãi

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 95/5 Đ. Thịch Quảng Đức, Xuân Lộc, Đồng Nai

Cán bộ Tham gia tổ chức PCM

Bị bắt ngày 02-08-1977 Án phạt 15 năm

Theo quyết định, án văn số 42 ngày 01 tháng 09 năm 1978 của

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

Ngày 16 và bị tăng án 02 lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án 02 lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 95/5. Thịch Quảng Đức, Xuân Lộc, Đồng Nai

UV. THU KHẨN xét quá trình cải tạo

Đã được tốt lỗi, chịu sự cải tạo, lao động có cố gắng, đảm bảo ngày công, học tập tiếp thu lý luận, chấp hành nội quy ít sai phạm. Tiếp tục cải tạo: Kho
lo chính chuyển địa phương tiếp tục theo đội, giúp đỡ cho đồng sự lấn ấn sinh sống man trở thành người cộng dân luong thiện.

Đang Đang Nghe

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Xuân Lộc

Trước ngày 10 tháng 12 năm 1986

Lưu tay ngón trái phải

Của Nguyễn Ngọc Thanh

Đánh bản số 04134

Lập tại Trại Xuân phúc

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy.

Thanh

Nguyễn Ngọc Thanh

Ngày 30 tháng 12 năm 1986

Tham thị

Trần Ngọc Bội

Trần Ngọc Bội

Ngày 25 tháng 06 năm 1977

3081/QĐ

QUYẾT ĐỊNH PHÓNG THÍCH

Ngày 25 tháng 06 năm 1977
Thủ trưởng Đoàn 875
Nghiệm thu và phê duyệt chính sách khoan hồng nhân đạo của Cách Mạng.

CHUYÊN chuẩn y của cấp trên.

- Xét những tiến bộ trong quá trình học tập cải tạo của tù binh.

THỦ TRƯỞNG ĐOÀN 875 QUYẾT ĐỊNH

1/-Phóng thích **NGUYỄN NGỌC THANH**

nguyên là **THAM TH** trong quân đội ngụy Sài Gòn, bị

Đoàn 875 bắt ngày 14/11/72. Ông có gia đình tại địa phương. Ông được phép trở về địa phương thăm gia đình của

(mẹ, vợ) là: **THAM TH** **TUYET**

tại: **gia đình cơ sở địa phương**

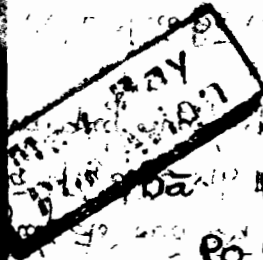
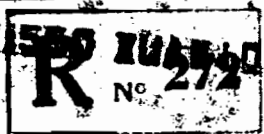
2/- Khi trở về quê hương, tại xuất trình ngay giấy này với Chính quyền Cách mạng địa phương và tiếp tục chấp hành sự quản chế của địa phương. Sau đó, địa phương sẽ căn cứ vào những tiến bộ thực sự về mọi mặt để xét chính thức khôi phục quyền công dân.

Thủ trưởng Đoàn 875

*Phóng thích cho
Anh bị Đoàn xử duy - giấy
phóng thích này để đi lại
hết hạn từ 26/6/77 đến 26/12/77
xuất trình ngay 26/6/77
T.M. B.C.H.P.Đ.
Phóng Đ.Đ. Ph.*

Nguyễn Văn Thuận

THE NGUYEN HUE BOULEVARD



KHUC MINH - THO

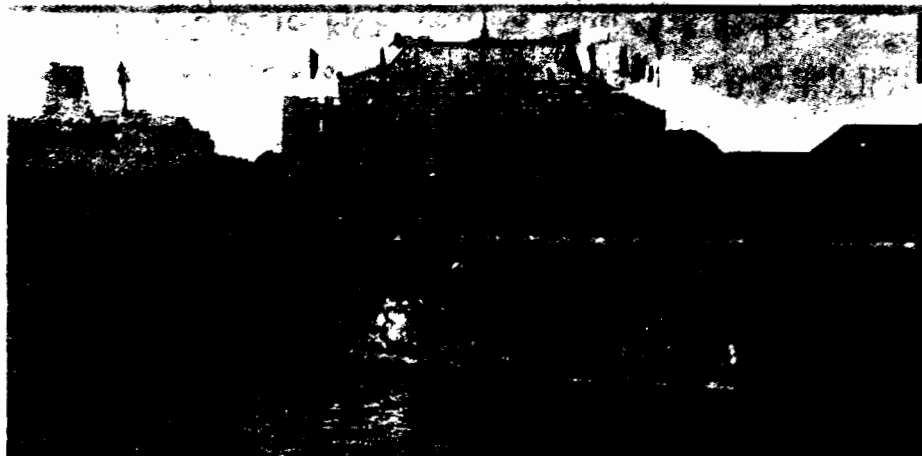
Po Box 5435 Arlington

OCT 25 1988 VA. 22205-

0635

USA.

BY AIRMAIL - PAR AVION



The Nha Rong historic wharf

Nguyễn - Ngọc - Thanh
95/5 Thích Quảng Đức, Xuân Lộc, Đồng Nai,

TO OPEN CUT HERE

TO OPEN CUT HERE

Xuân lộc Ngày 10-10-1988.

Kính gửi:

Bà KHUẾ - MINH - THO

PO Box 5435 Arlington VA 22205 - 0635

USA.

Kính thưa Bà.

Hôm nay tôi kính thư này đến Bà, trước kính thăm và cầu
Chúc Bà cũng toàn gia quyết được vạn sự an lành và may mắn.

Thưa Bà: Tôi được biết sự can thiệp của Bà đạt được
nhiều kết quả tốt đẹp cho Anh em chúng tôi trong biết thời gian
vừa qua. Do đó nay tôi kính thư này đến Bà nhờ lòng u ái
của Bà xin giúp đỡ cho hoàn cảnh khó khăn của tôi hiện nay.

Thưa Bà: Trước năm 1975, Tôi là Thiếu úy giữ chức vụ Đại
Đội Trưởng Thuộc Tiểu khu Long Khánh.

Ngày 11.6.1975 trong lúc tranh quân, Đơn vị tôi bị phục kích
tôi bị bắt làm Tư Bính, cho đến ngày 25.6.1977 tôi được Phóng thích
(Quyết định Phóng thích kèm theo thư này)

Sau khi về, tôi hoạt động cho Mặt trận Phục quốc đến ngày
02.8.1977 thì bị bắt lại, Tôi an Nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt
15 năm tù giam, đưa đến trại Tào Phú Khánh để Cải tạo cho đến
ngày 30.11.1986 thì được thả về (Tổng cộng 2 lần Cải tạo là: 12 năm
04 tháng 12 ngày) (Giấy Ra Trại đính kèm)

Khi về tôi đã làm đơn xin Tỵ nạn qua Chương trình ODP
tại Bangkok (Gửi ở Sài Gòn ngày 01.10.87 và Bưu điện Thailand nhận
được ngày 13.10.1987) Sau đó ngày 26.8.88 tôi có gửi 1 thư xin
cấp (LOI's) Nhưng đến nay vẫn chưa được Cơ quan ODP cho biết tin
trắc gì cả. Hiện nay ở Việt Nam, Nhà nước cho những người học
tập cải tạo được thả nay Hồ sơ xin đi định cư tại Hoa Kỳ, Tôi
cũng đã nộp Hồ sơ nhưng chưa có LOI's nên gặp nhiều khó khăn.

Nay tôi kính thư này đến Bà, xin Bà vui lòng Can thiệp với
Cơ quan ODP ở Bangkok cấp LOI's cho tôi và gia đình tôi để bổ
túc Hồ sơ xin định cư tại Hoa Kỳ. Tôi và gia đình đặt tất cả hy
vọng vào sự giúp đỡ của Bà.

Còn thư Tôi và gia đình xin tha lỗi kính gửi đến lòng biết ơn sâu xa
và kính Chúc Bà và quý quyết đạt hai nhiều kết quả tốt đẹp
nhất.

Kính chào Bà và Rất mong nhận được tin Bà.

Địa chỉ của tôi:

Nguyễn Ngọc Thanh

35/5 Thích Quảng Đức, Xuân lộc, Đồng Nai.

VN.

Thanh

Nguyễn Ngọc Thanh

CONTROL

☒ Card
☐ Doc. Request: **30-4-89**
☐ Release: **30-4-89**
☐ Computer
☐ Form: **10-1**
☐ ODP/Date
☐ Membership: **10-1**

2 lần cải tạo chính trị

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

JUN 1, 1989

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN NGOC THANH	BORN	21 FEB 40	(IV 239342)
PHAM THI TUYET	BORN	1947	WIFE
NGUYEN NGOC THU VAN	BORN	1969	UNMARRIED DAUGHTER
NGUYEN NGOC HOAN	BORN	1972	UNMARRIED SON
NGUYEN THUY DONG HA	BORN	1977	UNMARRIED DAUGHTER

ADDRESS IN VIETNAM: 95/5 THICH QUANG DUC
KUAN LOC
DONG NAI

VEWL#: 50957

NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC COI NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEU, SU QUYET-DINH CUOI CUNG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY THUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-QUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CUNG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI NOI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU JUY VI CHO PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN DEN HO-SO XIN NOI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRIAT TU (ODP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-QUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

GIEU KIEN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT DU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU NAY, CO THE KHONG CON HIEU LUC NOA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM CA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA DOI.

SINCERELY,


BRUCE A. SEABROOK
DIRECTOR
ORDERLY DEPARTMENT OFFICE



ODP-I

07/66

9291004



Embassy of the United States of America
Bangkok, Thailand

date: Sept '92

REF: VN List # H11-822

IV# 23 9342

Nguyen Ngoc Thanh

Pham Thi Tuyet

Nguyen Ngoc Thu Van

Nguyen Ngoc Hoa

Nguyen Thuy Dong Ha

Dear Nguyen Ngoc Thanh:

We regret to inform you that the individuals named above are not eligible for interview by officers of the Orderly Departure Program (ODP) at this time. Although their names have appeared on a Vietnamese interview list, ODP will only propose the interview of cases which include applicants who

are the beneficiaries of current immigrant visa petitions;

spent 3 or more years in re-education as a result of their association with US policies and programs in Vietnam;

are the widows/children of deceased re-education internees in cases where the internee died as a result of internment;

were in re-education for one or more years, and were employed by US firms or organizations for one or more years, or trained in the US under US government auspices;

were employed by US firms or organizations for five or more years;

are Amerasian;

are the beneficiaries of non-current immigrant visa petitions or visas 93 petitions filed by a spouse in the US, and were claimed when their spouse departed for the US;

are parents of unaccompanied minor (under age 18) children in the US, who were claimed when their children departed for the US.

It should be stressed that ODP will no longer propose an individual for interview simply because the individual has been issued an ODP Letter of Introduction; the individual must also be eligible under one of the criteria described above.

According to our records, the persons named above do not meet any of these criteria, and are therefore not eligible for an interview. Should additional information become available, interview of their case will be re-considered. We regret that we cannot give you more encouraging news at this time; we will advise you if further action becomes possible.

The US Orderly Departure Program
Bangkok, Thailand

End: ODP-A

ODP-6 (1/92)
Deferral Letter

Việt Nam Ngày 12.10.1992.

Kính gửi: Bà Chúc - Minh - Chơ

PO. Box 5435. ARLington VA. 22205. 0635. USA.

Kính thưa Bà và Quý Hôi -

Năm 1988 tôi có gửi hồ sơ xin định cư tại Hoa Kỳ, Nhờ Bà và quý Hôi Can thiệp tôi đã được ODP ở Bangkok cấp thư hứa nhập cảnh ngày 1.1.1989 và IV số 239342.

Ngày 28.4.1992 tôi được Cục Xuất Cảnh VN báo tin, Trung tâm hợp kỹ thuật Việt Mỹ 2 bên đã chấp thuận lập Dabel sách chọn lọc, Trung tâm có tôi và gia đình tôi số: 30/RD2/A18.P3.

Phía Việt Nam lên Dabel sách H.18. 822. để chuyển chính phủ Hoa Kỳ xét phông vào. Và phía VN đã cấp Hộ chiếu cho gia đình tôi.

Nhưng ngày 10.10.1992 tôi nhận được Giấy Báo tin của ODP Bangkok cho biết gia đình tôi không hội đủ tiêu chuẩn để các viên chức Hoa Kỳ phông vào trong lúc này.

- Kính thưa Bà và quý Hôi - Trước đây tôi là Chiến sỹ Trung QL VNCH. bị bắt làm tù binh Trung 1 cuộc H. Quam ngày 11.6.74 đến ngày 25.6.77 mới được phóng thích. (trên 3 năm Tập Trung Cải tạo)

- Khi về tôi tham gia vào Mặt trận chống cộng, bị bắt ngày 02.8.77 bị tòa án Tỉnh Đồng Nai xử phạt 15 năm tù giam đến ngày 30.11.1986 mới được tha.

- Đầu Năm 1990 vì bị chèn ép nên tôi đã đi vượt biên để tìm tự do nhưng bị bắt ngày 24.3.90, xử phạt 3 Năm tù đến ngày 24.3.92 mới được tha.

- Tổng cộng 3 lần tù là 14. Năm 4 tháng 12 ngày.

Kính thưa Bà và Quý Hôi - Do quá tin tưởng vào số giấy tờ trên nên tôi đã bán đất đai nhà cửa để học nghề và Anh Vầu, chờ đợi ngày ra đi đến bến bờ tự do. Vì không thể sống với chế độ CS này được.

Vì khi nộp hồ sơ xin Xuất cảnh, phía Việt Nam không nhận giấy Quyết định phóng thích tù binh và giấy ra trại 15 năm về tội chống cộng nên tôi phải nộp bằng giấy ra trại 3 Năm (bằng báo cáo của giấy ra trại 15 năm) để được hoàn tất thủ tục của Việt Nam. Vì vậy mà tôi bị ODP ở Bangkok cho là không hội đủ tiêu chuẩn.

Cụ thể tôi không Tập Trung Cải tạo sau ngày 30.4.75 nhưng tôi bị bắt ngày 11.6.74 đến 25.6.77. trên 3 năm.

Kính thưa Bà - Vì lòng nhân đạo trước tình cảnh đau thương của gia đình tôi - và đường lối của quý Hôi, Tôi tha thiết cầu khẩn lòng thương xót giúp cảnh khôn cùng của gia đình tôi, Xin Bà can thiệp giúp đỡ cho gia đình tôi sớm thoát khỏi cảnh gông cùm xiềng xích này để làm lại cuộc đời.

Còn hết sức hy vọng vào sự can thiệp hữu hiệu của Bà và quý Hôi.

Kính xin Bà và Quý Hôi nhận lời đây lòng thành kính và biết ơn của tôi và gia đình.

Kính Chúc Bà và quý quý, quý Hôi luôn Vui và tốt lành.
Trân trọng kính chào Bà và quý Hôi -

Thanh

Nguyễn Ngọc Thanh.

Xin Dính kèm:

- 01 - Giấy xác nhận tù binh.
- 02 - giấy ra trại 15 năm + 3 Năm
- 01 - Chứng thư Hưu Chải.
- 01 - Báo Hôn Mặt tích.
- 01 - ND CS nhĩ của phụ.
- 01 - Thủ cấp 01, Hôn
- 01 - giấy báo tin RD2
- 01 - Giấy báo của ODP Bangkok.
- 01 - Dabel sách -

Việt Nam Ngày 12 tháng 10 Năm 1992

Trình bày = Ngài Giám Đốc Chương trình Ra đi có trật tự, Hoa Kỳ
ODP Bangkok, Thailand.

ĐƠN XIN CỨU XÉT

Tôi ký tên dưới đây là NGUYỄN-NGỌC-THANH Sinh ngày 22.2.1940.
Chương trình tại = 95/5 Chiếu Quảng Đức, Xuân Lộc, Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai V.N.
Nay tôi trân trọng kính đề đơn này, thỉnh cầu Ngài vui lòng cứu xét
lại cho tôi một việc như sau:

Kính thưa Ngài: Năm 1988 tôi có đề đơn xin định cư tại Hoa Kỳ
theo diện Học tập Cải tạo được tha. Đến Năm 1989 được quý Ngài cấp thư
giới thiệu ngày Jun 1. 1989 và IV số: 239342.

Sau đó ngày 28.4.1992 được Cục Xuất Nhập Cảnh VN báo tin, Trong
cuộc họp kỹ thuật Việt Mỹ, hai bên đã thống nhất lập Danh sách chọn
lọc trong đó có tên tôi và những người trong gia đình số 30/RD2/AB/P3.
và phía Việt Nam lên Danh sách H.18 - 822.

Khi nhận được các giấy tờ trên, tôi đặt tất cả hy vọng vào sự ra
đi nên đã bán nhà cửa, đất đai bán xuất để lo học nghề và Anb Văn
chờ ngày đi đến bên bờ tự do. Vì ở đất nước này, tôi không thể bình
ông được vì tôi đã bị chế độ CS 3 lần cho đi Cải tạo (tù).

- Trước đây tôi là Chiếu-vý trong QLVNCH. Bị bắt làm tù Bình
tử ngày 11.6.1974 đến ngày 25.6.1977 mới được phóng thích.

- Khi về tôi tham gia vào mặt trận Chống Cộng, Ngày 02.8.1977 tôi
lại bị bắt và bị Tòa án Tỉnh Đồng Nai xử phạt 15 Năm tù giam, đến ngày
20.11.1986 mới được tha.

- Đầu Năm 1990 vì thấy bị Chính quyền CS chặn ép, nên tôi đã viết biên
lộ bất và bị phạt 3 Năm tù, từ ngày 24.3.90 đến 24.3.1992 mới được
tha. Tổng cộng 3 lần tù là 14 Năm 4 tháng 12 Ngày.

Khi được Chính quyền VN cho nạp Đơn đi nước ngoài, thì họ không
nhận Quyết định phóng thích và giấy ra trại về tôi Chống Cộng, nên tôi phải
nạp giấy ra Trại 3 năm bằng bản sao của giấy ra trại 15 năm tù.

Cũng tôi không Tập Trung cải tạo sau ngày 30.4.75, nhưng tôi bị bắt
ngày 11.6.74 đến 25.6.77. Cũng trên OS Năm Tập Trung Cải tạo.

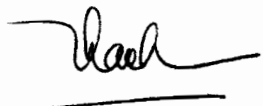
Xây Nay tôi kính đơn này, thỉnh cầu Ngài vì lòng Nhân đạo giúp
đỡ những người bị chế độ hiện hữu bắt đải, xin rộng lòng cứu xét giúp đỡ
gia đình tôi thoát khỏi cảnh gông cùm xiềng xích này.

Trong khi chờ đợi đi Cứu xét của Ngài, kính xin Ngài nhân
nói đây lòng thành kính biết ơn Ngài và chính phủ Hoa Kỳ của gia
tôi.

Trân trọng kính Chào Ngài.

Xin Đính Kèm sau đây:

- 01 - Giấy Xác Nhận tù Bình.
- 02 - giấy ra trại 15 năm & 3 Năm.
- 01 - Chứng thư Hân danh.
- 01 - Giấy báo tin Mặt trời.
- 01 - NH. Có nhĩ quả phụ.
- 01 - Thư giới thiệu.
- 01 - Giấy báo tin RD2.
- 01 - Danh sách.


Nguyễn Ngọc Thanh.

239342
BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C
Số : 30/RQ AL8-P3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 1992

Kính gửi : Ông : Nguyễn Ngọc Thanh

Trú tại : 95/5 Thích Quảng Đức, Xuân Lôi, Đống Nai.

Trong cuộc họp kỹ thuật Việt-Mỹ về vấn đề xuất cảnh đi Mỹ, hai bên thống nhất lập danh sách chọn lọc, trong đó có tên ông bà và những người sau đây trong gia đình :

- Phạm Thị Tuyết
- Nguyễn Ngọc Thanh Văn
- Nguyễn Ngọc Hoàn
- Nguyễn Thị Ngọc Hà

1/ Đề có cơ sở xem xét giải quyết, đề nghị ông, bà báo gấp cho Cục Quản lý XNC-Bộ Nội vụ biết :

a) Trong những người có tên trên, ai có nguyện vọng xin xuất cảnh đi Mỹ ?

- Nếu có thì đã lập hồ sơ chưa ? hồ sơ đã gửi về Cục quản lý XNC chưa ? được trả lời ra sao ? nếu đã được giải quyết thì cho biết rõ số hồ chiếu, số danh sách (gửi kèm theo bản photo cópp) giấy bảo tín của Cục quản lý XNC) .

⊗ Nếu chưa lập hồ sơ thì đến ngay Công an tỉnh, thành phố nơi thường trú lập hồ sơ, để nơi đó chuyển về Bộ Nội vụ giải quyết.

b) Trường hợp không có nguyện vọng xin xuất cảnh hoặc có nhưng còn vướng mắc về hình sự, dân sự, hành chính ... chưa thể lập hồ sơ xin xuất cảnh được, thì cũng báo cho chúng tôi biết cụ thể (gửi trả chúng tôi giấy này) .

2/ Cách thức liên lạc : gửi thư và các giấy tờ cần thiết theo đường Bưu điện tới Phòng Quản lý người Việt Nam xuất cảnh-40A Hàng Bài Hà Nội ./.

TL/ CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ XNC
TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Phương,

Số: 822 /XC

GIẤY BÁO TIN (Lần 2).

Kính gửi: Ông Nguyễn Ngọc Thanh

Hiện ở: 95/5 Thích Quảng Đức, Xuân Lộc, Đồng Nai

1/ Chúng tôi đồng ý cho ông cùng 4 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: chúng tôi đã cấp 4 hộ chiếu cho gia đình, số:

49052 đến số 49058/90.XC1

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số HO18 chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để ông yên tâm ./

Hà Nội, ngày 7 tháng 5 / 1992.

TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Trần Thành

Ghi chú:
Phiếu báo này thay thế
phiếu báo trước ông đã
nhận.

Số 715 /XN

NGÀY 19 THÁNG 8 NĂM 1992

GIẤY XÁC NHẬN

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7 XÁC NHẬN :

Ông : NGUYỄN NGỌC THANH Sinh năm : 1940
Ngày vào lính : 1961 Số quân : 40/ 118043
Cấp bậc : Thiếu úy Chức vụ : Đại đội trưởng
Đơn vị : D342 - Tiểu khu Long Khánh
Quê quán : Quảng Ngãi .
Trú quán : 95/5 Thích Quảng Đức - Thị trấn Xuân Lộc
Long Khánh - Tỉnh Đồng Nai .
Là Sĩ quan chế độ cũ có ra trình diện học tập cải tạo tập
trung từ ngày bị bắt 11/6/1974 đến ngày 25/06/1977
được phóng thích về và chịu sự quản lý của chính
quyền địa phương nơi cư ngụ .
Theo quyết định số 01/QĐ ngày ký 25/06/1977
Người ký Thủ trưởng Đoàn 875 Lưu Văn Ôn
Thời gian quản chế

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7
PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá: Nguyễn Minh Hải

BỘ NỘI VỤ
Trại Quản ngục
Số 1012 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mã số 001-Q1TG ban
hành theo công văn
2563 ngày 27 tháng
năm 1972

0	0	3	7	7	9	0	5	1	6	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1967 của Bộ Nội vụ;

Thủ hành án văn, quyết định tha số 06/09 ngày 15 tháng 09 năm 1986
của Hội đồng đặc xá Trung ương

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN NGỌC THANH Sinh năm 19 40

Các tên gọi khác

Nơi sinh Quảng Ngãi

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 95/5 D. Thịch Quảng Đức, Xuân Lộc, Đồng Nai

Cán tội Tham gia tổ chức PCM

Bi bắt ngày 02-08-1977 Án phạt 15 năm

Theo quyết định, án văn số 42 ngày 01 tháng 09 năm 1978 của

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

Đã bị tổng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án 4 lần, cộng thành 4 năm tháng

Nay về cư trú tại 95/5. Thịch Quảng Đức, Xuân Lộc, Đồng Nai

Nhận xét quá trình cải tạo

- Đã định được tội lỗi, chịu sự cải tạo, lao động có cố gắng, đảm bảo ngày công, học tập tiếp thu được, chấp hành nội quy ít sai phạm. Xếp loại cải tạo: Khá

- Đã nghỉ chính quyền địa phương tiếp tục theo dõi, giúp đỡ cho trong sự lần lần sinh sống mau trở thành người công dân lương thiện.

Đương sự phối trình diện tại UBND Phường, xã: Xuân Lộc

Trước ngày 10 tháng 12 năm 1986

Lưu tay ngôn ngữ chữ

Có Nguyễn Ngọc Thanh

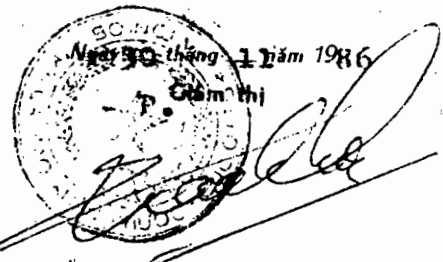
Định bản số 11

Lập tại Quản ngục

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy.

Thanh

Nguyễn Ngọc Thanh



TRẦN NGỌC BÔI



XÁC NHẬN
SAO Y BẢN CHÍNH

LONG KHÁNH Ngày 31/6/1996



PHÓ CHỦ TỊCH

Q L C

TRƯƠNG NGUYỄN ĐẾ

BỘ NỘI VỤ
TỔNG CỤC CSND
Trụ Tổng quản lý Huân
Số 465 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3MSAB

GIẤY RA TRẠI

Thi hành án văn, quyết định tha số _____ ngày 8 tháng 10 năm 1990
của Tòa án Nhân dân Tỉnh Hải Hưng

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ và tên Nguyễn Ngọc Thanh Sinh năm 1940

Các tên gọi khác Nguyễn Ngọc Thanh

Nơi sinh 9575 - Thôn Quảng Đức - Thị trấn Xuân Lữ - Đông Sơn

Nơi đăng ký NKTT N

Cán tội Tội chức người tôn tín nước ngoài

Ngày bắt 24/3/1990 Án phạt 3 năm tù giam

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

của _____

Đã bị xử án mức độ tội Khởi

cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án Một lần; cộng thành Một năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại Thị trấn Xuân Lữ - Đông Sơn

Dương sự phải trình diện tại UBND phường, xã nơi về cư trú; trước

ngày 4 tháng 4 năm 1992

Nhà tay nhận trở phải
của Nguyễn Ngọc Thanh
Đánh dấu số 3340
tại Hải Hưng

Họ tên của bị
Người được cấp giấy

Thanh

Ngày 24 tháng 3 năm 1992



CHAI UY

Nguyễn Văn Bình

CHỨNG THƯ HÀNH CHÍNH

ĐƠN-VI THIẾT LẬP

Tiền Quân-Vụ
KBC. 6701

PHẦN I. - QUÂN-VỤ và HỘ-TỊCH (SQ/QTNV lập)

1. - HỌ TÊN NGUYỄN VĂN THAM 2. - CẤP BẬC Thiếu tá/ĐP 3. - SỐ QUÂN 4/1104/13

4. - THẺ CĂN-CƯỚC DÂN-SỰ. Số _____ Cấp tại _____ Ngày _____

5. - CNQS: _____ 6. - Ngày sinh 11.03.1961 Nơi sinh Quảng Ngãi

7. - NHẬP NGŨ VÀO QLVNCH NGÀY 10.03.1961 Với tư cách ĐP
Tiền quân-vụ 13.03.1961 Từ 10.03.1961 Đến 11.06.1974

8. - GIÁN ĐOẠN QUÂN-VỤ: - Từ Không Đến _____ Lý do _____
- Từ _____ Đến _____ Lý do _____

9. - GIẢI NGŨ NGÀY _____ Lý do _____
Lý do _____

10. - LÝ DO LẬP CHỨNG THƯ HÀNH-CHÍNH

a) ☒ Nạp vào hồ-sơ trợ-cấp tử-tuất : ☐ Đương-sự bị phế-tật
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng phế-binh : ☒ Đương-sự bị mất tích
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng quả-phụ : ☐ Đương-sự tạ-thể
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng tồ-phụ : Ngày 11 tháng 6 năm 74 tại TT 74.006 Khu
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng cô-nhi : Xa Gia Ray, Xuân Lộc, Long Chánh
☐ CTHC được cấp cho người thừa-kế : Lý do 7/3 sang qua Vi M giải tỏa phá
☐ CTHC được cấp cho người giám-hộ : V/C tại Căn Cứ 3. Trong lúc giao tranh với
SAY cho 30/05 mất tích ☒ (Mất tích vì)
Họ tên và địa-chỉ: Vợ PHẠM THỊ TUYÊN
mụ tại Long Thủy, Phước Long
- Không qui-trách công-vụ ☐

b) Lý do khác: _____

11. - HỌ TÊN CHA MẸ: Ông NGUYỄN VĂN Sinh ngày _____ (sống) (chết)
Bà PHẠM THỊ SĨM Sinh ngày _____ (sống) (chết)

12. - GIA CẢNH: ☐ Độc thân ☒ Có vợ ☐ Góa vợ Số con 03

13. - NGƯỜI HÔN PHỐI: Họ và Tên: PHẠM THỊ TUYÊN Sinh ngày 09.05.1947
Nơi sinh: Cần Lai, Thái Bình Nghề nghiệp: Nội Trú
Địa chỉ: Ấp Long Thủy, Phước Long

☒ Trích-lục hôn-thú ☐ Chứng thư thể-vì hôn-thú ☐ An thể-vì hôn-thú
Số hiệu 42 Đăng ký ngày 7.04.1968 tại Phước Tín

14. - CHI TIẾT VỀ CÁC CON CÒN SỐNG (kể cả con thành niên)

HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRAI, GÁI	LOẠI CON	VĂN - KIỆN THAM - CHIẾU			
				Loại	Số	Ngày	Nơi đăng ký
a	b	c	d	e	f	g	h
<u>NGUYỄN VĂN MINH</u>	<u>2.03.60</u>	<u>0. Trai</u>	<u>0. Tr</u>	<u>43</u>	<u>11</u>	<u>01.04.68</u>	<u>Sơn Gà, Long</u>
<u>NGUYỄN VĂN THƯ VÀ</u>	<u>14.09.60</u>	<u>0. Gái</u>	<u>0. Tr</u>	<u>43</u>	<u>11</u>	<u>10.09.68</u>	<u>---</u>
<u>NGUYỄN VĂN NHÀN</u>	<u>3.03.72</u>	<u>0. Trai</u>	<u>---</u>	<u>---</u>	<u>178</u>	<u>03.4.72</u>	<u>---</u>

PHẦN II. — CHIẾT TÍNH LƯƠNG BỔNG và TRỢ CẤP (SQ Tài-Chánh lập)

15. — LƯƠNG THÁNG CUỐI CÙNG CỦA NGƯỜI CHẾ TÍNH: Cấp bậc Thiếu tá Số lương 1 năm

Phụ cấp gia đình C1 Vợ với số con C3 Phụ cấp đất đỏ vùng Thấp
(ngoại trừ phụ cấp chức vụ, giao tế phí và ngày lễ) thành tiền là (viết số lập lại toàn bằng chữ) 3.000.000

BA MẶT MÀ LẬP TRẦN CỘNG ĐƯƠNG

Chiết tính như sau :

— Lương căn bản 1.000.000
— Phụ cấp vợ 50.000
— Phụ cấp con 3.500.000
— Phụ cấp đất đỏ —
— Phụ cấp gạo 4.000.000
— Bồi khoản gạo —

CỘNG: 3.200.000

LƯƠNG BẢN THÂN :

— Lương căn bản 1.000.000
(kể cả phụ khoản chuyên môn)
— Phụ cấp đất đỏ —
— Phụ cấp gạo 8.000.000
— Bồi khoản gạo —

CỘNG: 6.000.000

— Số phiếu kiểm soát lương 1.211
— Đương sự được trả lương hết tháng 6
năm 1974

PHỤ CẤP VỢ CON :

— Phụ cấp vợ 50.000
(GB + ĐĐ + TKTT)
— Phụ cấp con 3.500.000
(GB + ĐĐ + TKTT)

CỘNG: 3.500.000

16. — TRỢ CẤP TỬ TUẤT : (Toàn thê hay tức thời) Toàn thê bằng một hoặc hai hoặc mười hai 1 tháng

Bằng 1 lần số lương tháng cuối cùng thiết tính nơi Mục 15, thành tiền là 300.000.000

(Viết số lập lại toàn bằng chữ) **BA TRẦN TỬ MẤT LUX VÀO HAI TRẦN ĐỒNG ĐẠO CHỈN.**

đã được ứng trả trước ngày — tháng — năm 1974 cho người thừa kế hữu quyền là (tên họ)

BÀ TRẦN THỊ THUẬN (Vợ)

(Chiếu HT số 3761/QL/TU.TT/HCL/A ngày 26-3-1965)

PHẦN III. — CHỨNG THỰC

17. — CHỨNG THỰC PHẦN I (của Trưởng Phòng TQT hay Nhân viên)

(Cấp bậc) Thượng sĩ 1 (Họ tên) ĐẾ VINH THÉN

(Chức vụ) Q. Sĩ Quan Quản Trị Nhân Viên

Ngày

15/10

1974

Chữ ký

(ý tên)

18. — CHỨNG THỰC PHẦN II (của Sĩ-Quan Tài-Chánh)

(Cấp bậc) Đại tá (Họ tên) NGUYỄN VĂN THỌ

(Chức vụ) Sĩ Quan Tài Chánh

Ngày

15/10

1974

Chữ ký

(ý tên)

19. — CHỨNG THỰC CỦA ĐƠN-VỊ-TRƯỞNG TỰ-TRỊ HÀNH CHÁNH

KBC. 6144, ngày 01 tháng 08 năm 1974

CẤP BẬC, HỌ TÊN và CHỨC VỤ

Thiếu tá NGUYỄN VĂN THỌ
Chỉ huy trưởng TTATTA/Lưu hành

1 SA T M H T 7

Chữ ký và ấn dấu

(ý tên và đóng dấu)

Thiếu tá NGUYỄN VĂN THỌ
Tên năm 242
Tên năm 36 /m.
CHỈ HUY TRƯỞNG TTATTA
CHỖ KHU LƯU HÀNH

AN.6201, ngày 01 tháng 07 năm 1974

VIỆT NAM CỘNG HÒA
LỰC LƯỢNG ANH QUÂN
TỈNH LÍNH - VIÊN AN
TỈNH LÍNH ANH QUÂN
TỈNH LÍNH ANH QUÂN

 - T F B

nhỏ cđ - viết tích -

2964 AN.6201/DP/THV

Họ và tên ; NGUYỄN VĂN THANH cấp bậc Thiếu úy/DPJ Binh số 4/11P.143
Đơn vị ; Đại đội 4/Tiểu đoàn 3/DP/Tiểu khu/Long Khánh .

Ngày, nơi và duyên cớ bị mất tích ; Lễ 111_4/74 tại TT 754.006 thuộc
vũ khí này, Xuân Lộc, Long Khánh, nguyên do hàng sự cùng đơn vị hành quân
giải tỏa phá mìn của Cộng quân, khi di chuyển phá mìn và lục soát, bị V/C phụ
kích và tấn công tràn ngập lực lượng ta khiến sự giao tranh mãnh liệt. Lực
lượng địch quá mạnh nên ta phải rút lui lúc 13 giờ cùng ngày trên gậy cho
hàng sự bị mất tích .

Tên họ và báo cáo các tên thất chí danh ngày 17/6/74 của Đại đội 4/DP.

Ngày sinh ; 22/2/1946 tại Quảng Ngãi

Giới tính ; Có vợ

Tên họ, thân sinh và địa chỉ người báo tin ; Vợ NGUYỄN THỊ TUYẾT ngụ tại ấp
Long Thủy, Phước Long .

Trật tự ; Ngụ T

Thân niên công vụ ; 13 năm 01 tháng 01 ngày

Nghị trách công vụ ; Có quy trách công vụ (viết tích và nhận)



TỈNH LÍNH ANH QUÂN
TỈNH LÍNH ANH QUÂN

VIET-NAM CONG-HOA

TONG-TRUONG COU-CHIEN-BINH

PHO BAN

BỘ COU-CHIEN-BINH

CHIEU LUAT 08/70 NGÀY 04-07-1970 VA CAC VAN-KIE
QUY-DINH CAP-DUONG PHE-DINH VA GIA-DINH TU-SI
CHIEU HO-SO CAP-DUONG SO 62052/

SỐ 62052 /OP/DPQ

NGHI-DINH

DIEU 1.

ONG (BA) PHAM THI TUYET
NGAY SANH
UIA-CHI PHUOC LONG

CAN-CUOC

LA OUA-PHU
CUA NGUYEN NGOC THANH
CAP-BAC THILO UY, BAC (1)

SU-QUAN

DA MAT TICH NGÀY 11/06/74

DUOC HUONG CAP-DUONG THEU CAP-BAC THILO UY, BAC (1)



PHU-HOAN CHAYEN HON SU O HANG TAN-CA-NGUYET LA

TU DEN IN GIA-HIEU
11/06/74 03 4432.1003 CD TAN-THOT DEN 10/06/78

TEN THANH-TRIAN DUOC HUONG CAP-DUONG

HU-TEN NGAY-SANH

NG NGOC MINH 26/03/68

DUOC HUONG DEN 10/06/78

NG NGOC HOAN 23/03/72

DUOC HUONG DEN 10/06/78

HU-TEN

NG NGOC THU VAN

DUOC HUONG DEN

NGAY-SA

14/09/66

10/06/78

KY LANH TIEN LAN THU NHAT

TU DEN SO TIEN

11/06/74 31/12/74 ***74.9014

DIEU 2.

DUNG-LY VAN-PHONG, TONG-THU-KY, GIA-DOC BAC HUU-BUNG VA CAP-DUONG CHIEU
KHAI-VU THI-HANH NGHI-DINH NAY. 18 THAI 1975

SAIGON.

T. U. N. TONG-TRUONG COU-CHIEN-BINH



TAN-THAT-LONG

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI DIỆN HO VÀ ODP DO PHÍA MỸ XIN CẤP XUẤT CẢNH

Theo yêu cầu của một số độc giả, số đặc biệt CATP tăng thêm 4 trang để đăng danh sách 19.000 người thuộc diện HO và ODP đã được phía Mỹ cho nhập cảnh và yêu cầu chính phủ VN cấp xuất cảnh. Vội mong độc giả theo dõi danh sách dưới đây và tiếp tục theo dõi danh sách đăng trên báo CATPHCM phát hành vào thứ tư mỗi tuần. BBT

TRAN VAN KHIET sinh 29-5-1945, Đồng Nai; PHAM DUNG sinh 6-10-1936 (cùng 8 người), Đồng Nai; NGUYEN DANG BA sinh 10-9-1929 (cùng 6 người), Đồng Nai; PHAM VIET DINH sinh 2-8-1945 (cùng 5 người), Đồng Nai; TRAN NGOC HO sinh 6-8-1944 (cùng 7 người), Đồng Nai; NGUYEN VAN TRONG sinh 13-5-1942, Đồng Nai; PHAM VAN LINH sinh 7-8-1933 (cùng 3 người), Đồng Nai; PHAM CONG CHINH sinh 26-6-1947, Đồng Nai; NGUYEN QUANG TAM sinh 3-3-1944 (cùng 5 người), Đồng Nai; TRAN VAN NOI sinh 17-9-1922, Đồng Nai; VANG A GIONG sinh 1931, Đồng Nai; LE VAN TRAN sinh 1942 (cùng 7 người), Đồng Nai; TON THAT SOAN sinh 2-6-1933 (cùng 2 người), Đồng Nai; NGUYEN THI LE BA sinh 24-5-1950 (cùng 5 người), Đồng Nai; HO DINH DUONG sinh 2-2-1934 (cùng 7 người), Đồng Nai; NGUYEN * NGOC THANH sinh 22-2-1940 (cùng 4 người), Đồng Nai; NGUYEN QUY sinh 29-5-1942 (cùng 3 người), Đồng Nai; NGUYEN VAN PHAM sinh 7-8-1942 (cùng 6 người), Đồng Nai; PHAM NGOC LONG sinh 15-2-1947 (cùng 6 người), Đồng Nai; VO VAN DAI sinh 30-7-1939 (cùng 5 người), Đồng Tháp; PHAM THANH NHON sinh 20-7-1940 (cùng 3 người), Đồng Tháp; LE THIEN QUOI sinh 17-4-1941 (cùng 7 người), Đồng Tháp; VU HUY NINH sinh 3-12-1925 (cùng 3 người), Đồng Tháp; NGUYEN PHUOC LOC sinh 24-2-1931 (cùng 5 người), Đồng Tháp; LE VAN KINH sinh 15-12-1935, Đồng Tháp; PHAN VAN NGOT sinh 1945 (cùng 1 người), Đồng Tháp; NGUYEN HOANG VU sinh 20-4-1948 (cùng 5 người), Gia Lai Kon Tum; HA BANG sinh 15-4-1940 (cùng 5 người), GL-KT; HO DAC NGOC sinh 19-9-1944 (cùng 6 người), GL-KT; DO NAM KY sinh 2-8-1932 (cùng 12 người), Hậu Giang; LE NGOC THACH sinh 9-5-1937 (cùng 7 người), Hậu Giang; NGUYEN VAN ON sinh 28-12-1936 (cùng 2 người), Hậu Giang; NGUYEN

HUU THANH sinh 12-3-1940 (cùng 7 người), Hậu Giang; NGUYEN VAN DONG sinh 17-4-1935 (cùng 6 người), Hậu Giang; VO VAN NHO sinh 9-9-1947 (cùng 5 người), Hậu Giang; NGUYEN CONG BINH sinh 17-12-1941, Hậu Giang; THAI LE TRUONG sinh 25-4-1942 (cùng 3 người), Hậu Giang; NGUYEN VAN XUNG sinh 1940 (cùng 3 người), Hậu Giang; VO KE THE sinh 25-12-1945 (cùng 1 người), Hậu Giang; HUYNH QUANG MINH sinh 20-10-1933 9 (cùng 1 người), Hậu Giang; TRAN VAN PHAN sinh 2-11-1939 (cùng 7 người), Hậu Giang; TRAN VAN LONG sinh 1945 (cùng 3 người), Hậu Giang; LY THOI BACH sinh 15-6-1943 (cùng 4 người), Hậu Giang; NGUYEN RO BE sinh 1-2-1942 (cùng 3 người), Hậu Giang; MAI VAN CHINH sinh 1937 (cùng 6 người), Hậu Giang; VO VAN SY sinh 5-5-1937 (cùng 10 người), Hậu Giang; LAM VAN HO sinh 16-8-1938 (cùng 3 người), Hậu Giang; NGUYEN HANH PHUC sinh 18-11-1942 (cùng 4 người), Hậu Giang; PHAM TAN PHU sinh 10-10-1945 (cùng 4 người), Hậu Giang; TRAN VAN HEN sinh 1940, Hậu Giang; PHUNG NGOC AN sinh 16-10-1934 (cùng 8 người), Hậu Giang; LU TARI sinh 5-8-1937 (cùng 5 người), Hậu Giang; NGUYEN HUU PHUC sinh 10-5-1940 (cùng 6 người), Hậu Giang; NGUYEN BA QUANG sinh 25-9-1940, Hậu Giang; HOANG XUAN HAO sinh 10-1-1937 (cùng 3 người), Bình Thạnh TPHCM; VO HUU DA sinh 5-10-1945 (cùng 4 người), BT TPHCM; HUYNH HUU HUONG sinh 11-6-1932 (cùng 7 người), Hậu Giang; NGO VAN TRUONG sinh 20-10-1923 (cùng 3 người), Kiên Giang; TRUONG VAN TRI sinh 17-5-1940 (cùng 3 người), Kiên Giang; NGUYEN THANH SON sinh 12-12-1932, Kiên Giang; TRAN KIM NGAN sinh 10-7-1942 (cùng 6 người), Kiên Giang; DAO MANH NGHIEN sinh 13-8-1935 (cùng 5 người), Kiên Giang; PHAN XUAN LOC sinh 1953, Kiên Giang; DAO VAN THAU sinh 7-6-1945 (cùng 3 người), Kiên

Giang; DANG DINH NGOC sinh 24-1-1925 (cùng 2 người), GI-KT; NGUYEN VAN HUAN sinh 15-11-1946, Lâm Đồng; NGUYEN DIEN sinh 27-6-1922 (cùng 2 người), Lâm Đồng; PHAN VAN TINH sinh 1939 (cùng 3 người), Lâm Đồng; LE HONG TUAN sinh 1937, Lâm Đồng; DAO VAN THUONG sinh 28-10-1939 (cùng 1 người), Lâm Đồng; NGUYEN LAN sinh 15-12-1935 (cùng 6 người), Lâm Đồng; NGUYEN VAN MY sinh 17-6-1945 (cùng 6 người), Lâm Đồng; CAO DIEN sinh 1-6-1928 (cùng 3 người), Lâm Đồng; DOAN VAN NGHINH sinh 1931 (cùng 8 người), Lâm Đồng; DINH TIEN DUNG sinh 6-12-1940 (cùng 6 người), Lâm Đồng; LO VAN BAO sinh 5-8-1934 (cùng 7 người), Lâm Đồng; SE KHIU SANG sinh 18-6-1945 (cùng 1 người), Lâm Đồng; NGUYEN VAN HIEP sinh 19-11-1934 (cùng 4 người), Long An; NGUYEN VAN PHONG sinh 27-8-1936 (cùng 3 người), Long An; HUYNH VAN CHINH sinh 11-7-1934 (cùng 6 người), Minh Hải; HO SI HOE sinh 17-7-1940 (cùng 5 người), Minh Hải; HO DON sinh 11-8-1936 (cùng 5 người), Minh Hải; HO NGOC SON sinh 16-4-1941 (cùng 7 người), Minh Hải; VO THANH PHUOC sinh 20-11-1940 (cùng 3 người), Nghĩa Bình; TRAN TY sinh 15-11-1934 (cùng 9 người), Nghĩa Bình; HOANG NGOC BICH sinh 9-9-1937 (cùng 7 người), Nghĩa Bình; LA DAM sinh 6-7-1946 (cùng 4 người), Phú Khánh; TRAN TAN LAC sinh 11-4-1944 (cùng 4 người), Phú Khánh; HO TRONG DUONG sinh 12-5-1933 (cùng 7 người), Phú Khánh; TRAN NGOC BICH sinh 10-6-1925 (cùng 5 người), Phú Khánh; VO VAN CHANH sinh 13-3-1930 (cùng 8 người), Phú Khánh; NGUYEN VAN HIEP sinh 12-9-1946, Phú Khánh; NGUYEN NGOC XUAN sinh 11-11-1939 (cùng 3 người), Phú Khánh; NGUYEN XUAN TAM sinh 20-12-1943 (cùng 4 người), Phú Khánh; NGUYEN VAN DUOC sinh 18-10-1939 (cùng 5 người), Phú Khánh; TRINH THANH BINH sinh 26-9-1930 (cùng 4

1. Tóm lược. - Ông Nguyễn - Ngọc Thanh - H18 - 822 có những hoạt động sau:
- Trại cải tạo bị bắt ngày 11-6-74 được phóng thích ngày 25-6-77 (3 năm)
 - Tham gia chiến công bị bắt ngày 02-8-77 được thả 30-11-86 (9 năm)
 - Vượt biên bị bắt ở hồ từ 1990 đến 24-3-92 được thả (2 năm)
- Tổng cộng trên 14 năm tù -
Mọi bắt và ở tù đều tuân theo để được nhả ngoài -

2. Nhân xét. - Về đời sống. Theo giấy bắt của Mỹ - theo trình bày
của ông bị ở tù 3 năm. Như vậy Mỹ chỉ bắt bắt đầu 30-4-75. Đây là
trường hợp bị bắt trước 75. Để ghi câu. Thiệt -

* TỰ. BÌNH
trước 75

* TỰ. BÌNH 74.73
do đó bị bắt.
Vấn đề xét -

(2/10/10)

Danh sách liệt kích hoạt đồng ngoại lãnh thổ VNCH
và bị bắt trước ngày 30-4-75

Số thứ tư	Số họ tên	Tên và họ Đoàn B	Số 1V hay 1+0	Thời gian bị bắt	Địa điểm bị bắt	Ghi chú
1	1	Nguyễn Bá Trừng	H 26	từ 3/18/71 đến 6/26/76 (5 năm)	Smoul (Kampuchea)	Ở này cũng tham chiến tại Smoul một số đợt qua bị tù đày ở đây 3 năm
2	2	Đặng Văn Ri	1V 224 466	từ 1/5/73 đến 2/20/76 (3 năm)	Kampuchea	
3	3	Trần Ngọc Đăng		từ 4/7/72 đến 2/13/73	Các Ninh	trên lãnh thổ VNCH
4	4	Nguyễn Ngọc Thạch	H 8 - 822	từ 6/1/74 đến 6/25/77		có hột chíp chửi sục sục sau khi bị bắt
5	7	Nguyễn Ngọc Liên	1V 253/49	3/21/71 đến 4/8/76 (5 năm)	Hà Lào	
6	8	Hồ Chí Thanh	1V 318 187 H 35 - 36	8/17/74 đến 5/25/78 (3 năm)	Quảng Nam	trên lãnh thổ VNCH
7	9	Nguyễn Văn Chỉnh	1V 79 525 VEWL # 31768	1964 đến 6/4/81 (17 năm)	Bắc Việt	
8	10	Trần Văn Khẩn		từ 6/15/70 đến 11/24/80 (10 năm)	Bắc Việt	
9	11	Nguyễn Văn An		8/10/66 đến 7/20/82 (16 năm)	Bình Giời Việt Lào	
10	12	Ngô Văn Lân		4/30/65 đến 7/21/82 (17 năm)	Bắc Việt	
11	(13)	Ngô Văn Hải		11/1/67 - 12/8/82 (15 năm)		
12	14	Ngô Văn Lâm		7/26/66 đến 7/23/82 (16 năm)	"	

Biết Kió
đư

VIRGINIA POWER

DO NOT WRITE IN THIS BLOCK — FOR EXAMINING OFFICIAL ONLY		
Case ID#	Action Stamp	Fee Stamp
A#		
G-28 or Volag #		
Section of Law: ☐ 201 (b) spouse ☐ 203 (a)(1) ☐ 201 (b) child ☐ 203 (a)(2) ☐ 201 (b) parent ☐ 203 (a)(4) ☐ 203 (a)(5)		
AM CON: _____		
REMARKS:		

A. Relationship

1. The alien relative is my:	2. Are you related by adoption?	3. Did you gain permanent residence through adoption?
☐ Husband/Wife ☐ Parent ☒ Brother/Sister ☐ Child	☐ Yes ☒ No	☐ Yes ☒ No

B. Information about you

1. Name (Family name in CAPS)	(First)	(Middle)
NGUYEN, MARIE MAIHAN		
2. Address (Number and Street)	(Apartment Number)	
(Town or City)	(State/Country)	(ZIP/Postal Code)
PORT ARTHUR	TEXAS	
3. Place of Birth (Town or City)	(State/Country)	
VIETNAM		
4. Date of Birth (Mo/Day/Year)	5. Sex	6. Marital Status
04-05-55	☐ Male ☒ Female	☐ Married ☒ Single ☐ Widowed ☐ Divorced
7. Other Names Used (including maiden name)		
HAN		
8. Date and Place of Present Marriage (if married)		
9. Social Security number	10. Alien Registration Number (if any)	
	22-991-187	
11. Names of Prior Husbands/Wives	12. Date(s) Marriage(s) Ended	

C. Information about your alien relative

1. Name (Family name in CAPS)	(First)	(Middle)
NGUYEN, THANH NGOC		
2. Address (Number and Street)	(Apartment Number)	
95/5 Thich Quang Duc, Kuan Loi		
(Town or City)	(State/Country)	(ZIP/Postal Code)
Tinh Dong Nai	VIETNAM	
3. Place of Birth (Town or City)	(State/Country)	
VIETNAM		
4. Date of Birth (Mo/Day/Year)	5. Sex	6. Marital Status
1940	☒ Male ☐ Female	☐ Married ☒ Single ☐ Widowed ☐ Divorced
7. Other Names Used (including maiden name)		
8. Date and Place of Present Marriage (if married)		
9. Social Security number	10. Alien Registration Number (if any)	
11. Names of Prior Husbands/Wives	12. Date(s) Marriage(s) Ended	

13. If you are a U.S. citizen, complete the following:

My citizenship was acquired through (check one)

☐ Birth in the U.S.

☒ Naturalization

Give number of certificate, date and place it was issued

12104491 / May 02, 1986 Beaumont, Texas

☐ Parents

Have you obtained a certificate of citizenship in your own name?

☐ Yes ☐ No

If "Yes," give number of certificate, date and place it was issued

14a. If you are a lawful permanent resident alien, complete the following:

Date and place of admission for, or adjustment to, lawful permanent residence, and class of admission:

14b. Did you gain permanent resident status through marriage to a United States citizen or lawful permanent resident?

☐ Yes ☒ No

13. Has your relative ever been in the U.S.?

☒ Yes ☐ No

14. If your relative is currently in the U.S., complete the following:

He or she last arrived as a (visitor, student, stowaway, without inspection, etc.)

Arrival/Departure Record (I-94) Number Date arrived (Month/Day/Year)

Date authorized stay expired, or will expire as shown on Form I-94 or I-95

15. Name and address of present employer (if any)

Date this employment began (Month/Day/Year)

16. Has your relative ever been under immigration proceedings?

☐ Yes ☒ No Where When

☐ Exclusion ☐ Deportation ☐ Rescission ☐ Judicial Proceedings

INITIAL RECEIPT	RESUBMITTED	RELOCATED		COMPLETED		
		Rec'd	Sent	Approved	Denied	Returned

C. (Continued) Information about your alien relative

16. List husband/wife and all children of your relative (if your relative is your husband/wife, list only his or her children).

Name	Relationship	Date of Birth	Country of Birth
NGUYEN, THANH NGOC	Cousin	1940	Vietnam

17. Address in the United States where your relative intends to reside

(Number and Street)	(Town or City)
PORT ARTHUR	TX

18. Your relative's address abroad

(Number and Street)	(Town or City)	(Province)	(Country)
95/5 Thích Quang Đức	Xuân Lộc	TỈNH ĐỒNG NAI	VIETNAM

19. If your relative's native alphabet is other than Roman letters, write his/her name and address abroad in the native alphabet:

(Name)	(Number and Street)	(Town or City)	(Province)	(Country)
--------	---------------------	----------------	------------	-----------

20. If filing for your husband/wife, give last address at which you both lived together:

(Name)	(Apt. No.)	(Town or City)	(State or Province)	(Country)	(Month)	(Year)	(Month)	(Year)
--------	------------	----------------	---------------------	-----------	---------	--------	---------	--------

21. Check the appropriate box below and give the information required for the box you checked:

☒ Your relative will apply for a visa abroad at the American Consulate in BANGKOK THAILAND
(City) (Country)

☐ Your relative is in the United States and will apply for adjustment of status to that of a lawful permanent resident in the office of the Immigration and Naturalization Service at NO (City) NO (State). If your relative is not eligible for adjustment of status, he or she will apply for a visa abroad at the American Consulate in NO (City) NO (Country).

(Designation of a consulate outside the country of your relative's last residence does not guarantee acceptance for processing by that consulate. Acceptance is at the discretion of the designated consulate.)

D. Other Information

1. If separate petitions are also being submitted for other relatives, give names of each and relationship.

NO

2. Have you ever filed a petition for this or any other alien before? ☐ Yes ☒ No
If "Yes," give name, place and date of filing, and result.

Warning: The INS investigates claimed relationships and verifies the validity of documents. The INS seeks criminal prosecutions when family relationships are falsified to obtain visas.

Penalties: You may, by law be imprisoned for not more than five years, or fined \$250,000, or both, for entering into a marriage contract for the purpose of evading any provision of the immigration laws and you may be fined up to \$10,000 or imprisoned up to five years or both, for knowingly and willfully falsifying or concealing a material fact or using any false document in submitting this petition.

Your Certification

I certify, under penalty of perjury under the laws of the United States of America, that the foregoing is true and correct. Furthermore, I authorize the release of any information from my records which the Immigration and Naturalization Service needs to determine eligibility for the benefit that I am seeking.

Signature [Signature] Date 08-22-88 Phone Number _____

Signature of Person Preparing Form if Other than Above

I declare that I prepared this document at the request of the person above and that it is based on all information of which I have any knowledge.

(Print Name)	(Address)	(Signature)	(Date)
<u>11</u>			

Volag Number _____ G-28 ID Number _____

Pages Removed (S.S.)

1 page(s) was/were removed from the file of NGUYỄN NGỌC THANH
(2-22-1940) due to containing Social Security numbers. The page(s) was/were copied
with the Social Security numbers covered up. The copy/copies was/were placed into the
file of NGUYỄN NGỌC THANH. The original(s) was/were placed
into the Restricted/Reserved files.

-Anna Mallett

Date: October 2nd 2007

NGUYEN NGOC THANH
95/5 Thich Quang Duc
Xuan Loc Dong Nai

Viet Nam



Kính gửi: Bà KHUÊ MINH HẠO.

PO BOX 5435
ARLINGTON, VA

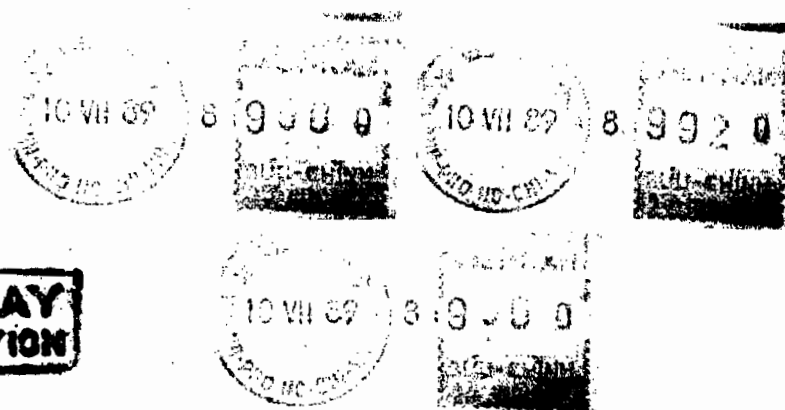
22205-0635

FR: Nguyễn Ngọc Thanh
95/5 Thích Quảng Đức
Xuân Lộc, Đồng Nai
Vietnam.

95g

R A449
44 4 8

MÁY BAY
PAR AVION



To: MRS. KHÚC-MINH-THO
JUL 24 1989 P.O. Box 5435
ARLINGTON, VA. 22205-0635
U.S.A.